UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN NA TRUNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Lê Thị Thân	1.887	1.500	
2	Âu Văn Hương	1.653	1.000	
3	Lê Văn Xuân	2.400	2.015	
4	Phạm Văn Hùng	2.000	2.093	
5	Hoàng Thị Dân	2.400	2.014	
6	Lê Văn Liễu	2.305	2.000	
7	Trần Văn Phương	1.685	1.500	
8	Âu Văn Lý	1.936	2.000	
9	Âu Văn Ngọ	1.869	1.900	
10	Võ Thị Minh	1.408		
11	Lê Quang Hòa	1.628	1.800	
12	Dương Hữu Bình	1.923		
13	Trương Quang Long	1.577		
14	Âu Thị Thanh	1.064		
15	Hà Văn Dũng (mậu)	1.977	2.000	
16	Trần Thị Tâm	1.003	1.900	
17	Dương Hữu Vị	1.503	1.000	
18	Âu Văn Xanh	1.725		
19	Dương Ngọc Hà	1.328	1.400	
20	Nguyễn Tiến Hồng	2.067	2.000	
21	Âu Văn Thiều	1.589	1.500	
22	Phạm Văn Thân	1.783	1.600	
23	Âu Văn Đào	1.428	1.400	
24	Hà Văn Nhuần	1.783	1.600	
25	Nguyễn Văn Trọng	2.000	3.116	
26	Đặng Hữu Trọng	1.574	1.600	
27	Dương Thị Nam	637		
28	Trần Văn Khánh	2.300	3.082	
29	Lê Văn Đức	1.000		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Phạm Văn Lập	1.637	1.600	
31	Âu Văn Kỳ	823		
32	Phạm Hồng Vinh	1.591	1.400	
33	Bùi Đức Hiền	3.275	3.500	
34	Đào Kim Quán	1.838	1.800	
35	Phan Văn Tiến	1.573	1.500	
36	Dương Hoàn Vị	2.000	2.251	
37	Trần Văn Quốc	1.300	1.384	
38	Nguyễn Gia Huyền	2.200	2.068	
39	Dương Đức Nam	485		
40	Hà Văn Nga	1.297		
41	Đặng Xuân Tình	1.543	1.700	
42	Bùi Thị Thuận (Họa)	2.000	1.950	
43	Lưu Thị Thủy	1.567	1.600	
44	Trần Thanh Hùng	1.500	1.618	
45	Trương Quang Thành	633		
46	Trần Văn Luận	2.000	2.305	
47	Phạm Văn Khương	1.000	1.286	
48	Âu Văn Thịnh	1.405	1.314	
49	Nguyễn Gia Hùng	686		
50	Nguyễn Văn Liên	1.266	1.300	
51	Trương Quang Thu	1.428	1.500	
52	Hoàng Thị Hồng	1.973		
53	Hà Thị Liên	1.841		
54	Lê Viết Dũng	2.100	2.317	
55	Lê Văn Nhân	1.662	1.500	
56	Lê Văn Kiên	1.169	1.200	
57	Phạm Trọng Dân	1.219		
58	Phạm Trọng Toàn	910		
59	Phạm Văn Tiến	1.067		
60	Lê Thị Được	1.436	1.500	
61	Trần Lý Hiên	1.743	1.700	
62	Trần Văn Phượng	1.100	1.183	
63	Dương Thị Xuân	2.000	2.507	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
64	Nguyễn Thị Hòe	1.912		
65	Trương Quang Tự	1.437	1.400	
66	Lê Văn Ân	1.510	1.600	
67	Lê Văn Hiệp	1.542		
68	Võ Thị Quý	2.000	2.263	
69	Dương Đức Tuệ	2.159	2.400	
70	Lê Văn Tỵ	1.385		
71	Âu Văn Quy	1.400		
72	Trần Văn Hiền	1.440	1.500	
73	Hà Văn Xuân	2.253	2.200	
74	Hà Văn Dũng (Lan)	1.600	1.796	
75	Hà Viết Hùng	1.479		
76	Nguyễn Văn Lượng	1.780	1.700	
77	Dương Ngọc Trí	1.505	1.500	
78	Lê Văn Thành	1.700	1.880	
79	Lê Văn Hùng	1.004	1.000	
80	Hà Văn Minh	2.000	2.251	
81	Trần Văn Hương	300		
82	Trần Văn Hiếu	2.040	2.325	
83	Trần Đình Tám	1.211	1.100	
84	Dương Thị Hợi	2.106	2.000	
85	Đinh Văn Kiều	2.204	1.700	
86	Nguyễn Văn Diện	1.017	1.000	
87	Nguyễn Đình Niêm	1.300	1.357	
88	Dương Hữu Phép	1.743	1.600	
89	Nguyễn Văn Thông	2.715	2.800	
90	Trương Thị Tý	986	1.000	
91	Trương Quang Thân	2.106	1.800	
92	Đinh Ngọc Phiên	1.703	1.600	
93	Trương Quang Luân	1.304	1.300	
94	Trương Quang Thuận	1.320		
95	Dương Thị Cương	1.616	1.600	
96	Phạm Văn Toán	1.530		
97	Nguyễn Thị Loan	1.616		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
98	Nguyễn Văn Châu	2.000	2.080	
99	Trương Quang Thiệu	1.000	922	
100	Trương Quang Tràn	1.400	1.360	
101	Trương Quốc Thành	1.668	1.860	
102	Trương Quốc Ngọc	1.903	1.900	
103	Trương Quang Hoàng	2.406	2.300	
104	Bùi Đức Công	1.405	1.412	
105	Dương Hữu Tiến	2.000	2.057	
106	Dương Hữu Đạo	1.772	1.600	
107	Trương Quang Bính	1.478	1.300	
108	Nguyễn Văn Dần	2.378	2.530	
109	Nguyễn Phi Khanh	1.157	1.000	
110	Dương Hữu Thuần	2.566	2.600	
111	Trần Văn Phong	1.445		
112	Nguyễn Đình Thiên	1.480	1.500	
113	Nguyễn Văn Chất	1.600		
114	Nguyễn Đình Tư	1.446	1.400	
115	Trương Quang Thanh	2.261	2.300	
116	Dương Hữu Nghĩa	2.378		
117	Dương Hữu Tình	1.867		
118	Dương Hữu Trí	2.409	2.500	
119	Dương Hữu Thiện	2.000	1.882	
120	Dương Xuân	1.920	1.900	
121	Cao Khắc Hà	2.400	2.419	
122	Dương Hữu Bằng	1.622	1.600	
123	Phạm Trọng Hồng	700		
124	Phạm Trọng Huy	1.433		
125	Lê Thị Hợi	1.000	1.182	
126	Bùi Đức Nông	2.649	3.000	
127	Nguyễn Hoài Nam	883	1.000	
128	Trương Quang Tình (Hợi)	1.176	1.100	
129	Trương Quang Sơn	889	900	
130	Nguyễn Thị Hương	1.000	1.167	
131	Hà Huy Vinh	1.000	1.037	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
132	Hà Huy Hiển	1.671	1.600	
133	Nguyễn Văn Hùng	2.500	2.598	
134	Trương Quang Thắng	1.800	1.857	
135	Trương Quang Hải	1.819	1.700	
136	Nguyễn Thị Loan	1.523	1.500	
137	Phạm Văn Sim	1.000	1.089	
138	Dương Hữu Tích	2.700	2.823	
139	Dương Hữu Lục	800		
140	Dương Hữu Lịch	3.000	3.236	
141	Dương Đức Thiện	1.100	1.184	
142	Nguyễn Văn Tám	1.600	1.551	
143	Nguyễn Văn Vy	867		
144	Nguyễn Văn Cao	1.305	1.314	
145	Trần Văn Dìn	2.000	1.939	
146	Trần Mạnh Tôn	1.000	1.393	
147	Phạm Văn Luân	1.783	1.800	
148	Trần Văn Hợi	2.200	2.207	
149	Trần Văn Thuận	2.400	2.499	
150	Dương Thị Huệ	1.936	1.900	
151	Bùi Văn Xuân	1.400	1.359	
152	Bùi Văn Xìn	1.700	1.774	
153	Trần Văn Mạo	1.400	1.330	
154	Đậu Văn Hoàng	2.400	2.579	
155	Phan Thị Hương	1.313	1.200	
156	Trần Văn Trung	1.627	1.600	
157	Trần Đình Nhân	1.884	1.800	
158	Nguyễn Văn Hương	2.140	2.300	
159	Trần Văn Dự	1.890	1.900	
160	Nguyễn Văn Hồng	2.540	2.500	
161	Nguyễn Văn Lộc (lương)	457		
162	Nguyễn Công Thịnh	600		
163	Nguyễn Văn Báu	1.473		
164	Nguyễn Văn Thắng	2.000	2.031	
165	Nguyễn Ngọc Châu	1.000	845	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
166	Phạm Thị Hương (Tuyển)	1.000	986	
167	Trần Văn Thanh	1.800	1.802	
168	Nguyễn Công Hoan	4.000	4.047	
169	Trần Thị Cơ	1.000	984	
170	Dương Hữu Diễn	1.700	1.638	
171	Trương Quang Anh	1.050		
172	Dương Kim Hộ	1.600	1.730	
173	Hà Văn Hồng	1.176	1.000	
174	Nguyễn Văn Xuân	1.500	1.550	
175	Nguyễn Văn Tài	1.150	1.100	
176	Nguyễn Văn Cảnh	1.700	1.613	
177	Trương Quang Bình	2.460	2.500	
178	Trần Đình Nga	1.200	1.227	
179	Dương Hữu Thực	2.300	2.361	
180	Hà Văn Tân	2.976	3.000	
181	Trần Đình Tý	1.000	986	
182	Dương Thị Anh	2.929	3.000	
183	Dương Thị Đậu	1.000	852	
184	Trần Minh Thái	1.392		
185	Phạm Văn Công	1.000	1.155	
186	Phạm Văn Lộc	2.200	2.211	
187	Nguyễn Văn Thành (Lộc)	567		
188	Hà Văn Phước	1.000	837	
189	Nguyễn Văn Dân	1.126	1.000	
190	Phạm Văn Tính	1.900	1.922	
191	Nguyễn Văn Phương	1.990	2.100	
192	Trần Văn Bình	1.000	500	
193	Trương Quang Tiến	1.300	1.328	
194	Hà Văn Luật	2.200	2.208	
195	Dương Hữu Chức	1.319	1.400	
196	Nguyễn Văn Tý	1.705	1.884	
197	Nguyễn Văn Khôi	1.005	604	
198	Lê Văn Duẫn	1.000	1.054	
199	Dương Hữu Triều	1.653	1.700	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
200	Ngyễn Văn Hoài	1.400	1.440	
201	Hà Văn Bình	1.000	744	
202	Nguyễn Văn Nguyên	2.218	2.300	
203	Hồ Văn Huân	1.066	900	
204	Phạm Trọng Sơn	1.100	1.151	
205	Phạm Trọng Lâm	1.097		
206	Nguyễn Văn Nghĩa	3.000	3.360	
207	Nguyễn Công Thành	1.900	1.956	
208	Trương Quang Tùng	884		
209	Trần Thị Hiếu	938		
TỔNG CỘNG		**337.642**	**288.021**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN CẨM ĐỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Văn Tuấn	2746		
2	Trần Văn Châu	10086	5165	
3	Nguyễn Văn Thảo	5374	2464	
4	Nguyễn Văn Hùng	3830	1770	
5	Nguyễn Văn Quân	1748		
6	Nguyễn Xuân Duyên	6691		
7	Trần Thị Huế	3932	532	
8	Nguyễn Trường Tình	3035		
9	Trần Văn Lộc	1603		
10	Trần Văn Minh	4407	1335	
11	Nguyễn Văn Thành	4619	2319	
12	Nguyễn Văn Ánh	3523		
13	Nguyễn Trọng Cương	2303	535	
14	Nguyễn Thị Định	2800		
15	Nguyễn Trọng Hồng	4042		
16	Dương Kim Minh	1800	2086	
17	Lưu Như Hữu	2956	1074	
18	Trần Văn Long	4267		
19	Nguyễn Văn Nhâm	6289		
20	Trần Đăng Nguyên	1367		
21	Đinh Văn Luân	2509	514	
22	Nguyễn Văn Bính	4405		
23	Nguyễn Trọng Danh	1956	3627	
24	Nguyễn Văn Thống	3696	2375	
25	Nguyễn Trọng Liên	2993		
26	Nguyễn Văn Hợi	2895	2144	
27	Ngô Thị Hiên	5100	799	
28	Dương Kim Thuyết	1883	2278	
29	Đinh Văn Sơn (oanh)	2897	376	
30	Nguyễn xuân Ninh	1447		
31	Nguyễn Văn Lý	4243		
32	Nguyễn Thị Giác	994	1054	
33	Nguyễn Văn Hòa (CH)	1699		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
34	Đinh Văn Long	2880		
35	Nguyễn Văn Hồng (H)	3978		
36	Nguyễn Văn An (ngụ)	3006		
37	Trương Quang Ngọ	1322		
38	Nguyễn Văn Sửu	4978		
39	Nguyễn Thị Tân	1302		
40	Nguyễn Văn Giác	3712	963	
41	Trần Thị Hiền	567		
42	Đinh Văn Tam	532		
43	Phan Thanh Hương	1813		
44	Nguyễn Văn Hồng (tr)	6577		
45	Đinh Văn Sơn (M)	2358	1280	
46	Nguyễn Văn Trung	5532	718	
47	Nguyễn Xuân An	3725		
48	Nguyễn Văn Thám	3700	200	
49	Nguyễn Văn Tuất		2104	
50	Đồng Văn Thế	2641		
51	Đinh Văn Lới	841		
52	Nguyễn Hữu Cảnh	3829	420	
53	Bùi Văn Việt	1205		
54	Nguyễn Văn Tình	813		
55	Bùi Văn Hiếu	545		
56	Nguyễn Văn Mạo	4000		
57	Nguyễn Văn Dũng	2794		
58	Nguyễn Văn Thành	1423		
59	Nguyễn Văn Canh (L)	2385		
60	Nguyễn Văn Long		957	
61	Nguyễn Văn Trình	1000		
62	Nguyễn Văn Quý	2219	741	
63	Nguyễn Văn Canh (trí)	2988		
64	Nguyễn Văn Kiên	3091		
65	Nguyễn Văn Luân	3190	440	
66	Nguyễn Văn Huyền	735		
67	Nguyễn Văn Ngọ	699		
68	Trần Văn Thích	819		
69	Nguyễn Văn Chem	643		
70	Nguyễn Văn Cu	1549	846	
71	Nguyễn Văn Thõa	5271		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
72	Nguyễn Văn Thạnh	2608		
73	Nguyễn Văn Công	2971	585	
74	Nguyễn Văn Hiếu	897		
75	Nguyễn Văn Thành	1351	1264	
76	Nguyễn Anh Tuấn	5799	1666	
77	Nguyễn Văn Tuân	2696		
78	Nguyễn Văn Thuận	4551	253	
79	Nguyễn Văn Thường	2876	1157	
80	Nguyễn Văn Xuân	5265		
81	Nguyễn Văn Phúc	4896	2847	
82	Trần Thị Hằng	2789	1145	
83	Trương Quang Dần	1369	1133	
84	Nguyễn Văn Nhẫn	4447	958	
85	Nguyễn Văn Mỹ	1178		
86	Nguyễn Ngọc Tú	2646	1000	
87	Cao Thị Nghĩa		1000	
88	Nguyễn Văn Phương	2049		
89	Trần Lưu Niệm	1661		
90	Nguyễn Văn Thắng	2331		
91	Nguyễn Văn Tiện	3637		
92	Nguyễn Văn Lan	3242	4346	
93	Nguyễn Văn Đồng	2566		
94	Nguyễn Thị Hương	747		
95	Nguyễn Văn Thuyết	11061	3551	
96	Trần Thị Liên	1001		
97	Trương Văn Kiều	1471	1500	
98	Lê Văn Cường	1978	387	
99	Đinh Văn Hà	3773		
100	Đinh Văn Toản	3343		
101	Lê Văn Bảo	3002		
102	Lưu Như Tình	3924		
103	Hoàng Thị Nhân	809	488	
104	Nguyễn Đình Loan	5557		
105	Trần Thị Hạnh	3012		
106	Nguyễn Văn Ngọ (V)	4931	887	
107	Nguyễn Hữu Lộc	1262	2248	
108	Nguyễn Văn Hòa (TH)	3129		
109	Nguyễn Trọng Cảnh	1500	1769	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
110	Đinh Văn Luyến	1687		
111	Nguyễn Văn Bài	4293		
112	Nguyễn văn Hiệp	2848		
113	Nguyễn Hữu Dương	5131		
114	Cao Khắc Chiến	3150		
115	Nguyễn Văn Tuyến	3177		
116	Dương Kim Quế	1522	1069	
117	Huỳnh Văn Cộp	1185		
118	Lê Thị Huy		1276	
119	Văn Thị Thanh	1511		
120	Nguyễn Xuân TÝ	2959		
121	Dương Kim Lý	3005		
122	Lưu Như Kỳ	1748	584	
123	Nguyễn Đình Hùng	1594		
124	Cao Khắc Toàn	1821	1821	
125	Nguyễn Văn Cường	3027		
126	Dương Kim Nghĩa	1937	582	
127	Lê Văn Hùng	2056		
128	Nguyễn Thị Hồng	745		
129	Nguyễn Văn Đăng	2115		
130	Đinh Văn Thường	1302	1136	
131	Phạm Văn Hải	1532		
132	Phạm Văn Lộc (N)	5500		
133	Nguyễn Văn Hưng (Đào)	994		
134	Trần Thị Thơm		900	
TỔNG CỘNG		**369.961**	**74.668**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ THÀNH

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Văn Ân	1070		
2	Nguyễn Văn Sương	1130	800	
3	Trần Thị Vân	530	460	
4	Tạ Thị Đức	850	419	
5	Nguyễn Văn Phong	720	331	
6	Nguyễn Văn Vinh	2630	535	
7	Nguyễn Khắc Trình	2840	677	
8	Nguyễn Văn Viết	440	177	
9	Trần Văn Tin	1256	462	
10	Nguyễn Văn Phương	1570	399	
11	Trần Văn Hồng	1180		
12	Nguyễn Văn Chuyên	1716	400	
13	Nguyễn Lưu Đắc	2460	389	
14	Nguyễn Văn Pháp	1820	349	
15	Nguyễn Văn Quang	2846	550	
16	Nguyễn Văn Hòa (nga)	1714	610	
17	Nguyễn Văn Lưu	1242		
18	Nguyễn Văn Nam	700	450	
19	Nguyễn Văn Thông	1819	460	
20	Nguyễn Văn Hài	761		
21	Nguyễn Văn Bình	3600	1240	
22	Lưu Văn Bình	960		
23	Lưu Văn Minh	3450	1673	
24	Phạm Văn Trường	2960	600	
25	Nguyễn Văn Tào	2017	110	
26	Trần Văn Sơn	703		
27	Võ Văn Huệ	1700	687	
28	Võ Văn Hường	2740	944	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
29	Nguyễn Thị Dân	1559	480	
30	Nguyễn Khắc Đàm	700	389	
31	Nguyễn Khắc Hậu	2917	1037	
32	Nguyễn Khắc Sinh	2530	532	
33	Phạm Văn kỳ	1415	800	
34	Nguyễn Lưu Liêm	1809		
35	Nguyễn Khắc Miên	1158	880	
36	Nguyễn Văn Thất	3413	630	
37	Võ Thị Tân	305	290	
38	Trần Thị Sinh	713	560	
39	Lưu Văn Hải	1552	640	
40	Nguyễn Văn Hoàng	2763	520	
41	Nguyễn Lưu Ân	2720	670	
42	Trần Văn Aí	516		
43	Trần Xuân Cậy	1000	599	
44	Nguyễn Văn Hà (hiền)	1012	448	
45	Nguyễn Văn Trung	821	500	
46	Nguyễn Văn Hạp	700	300	
47	Nguyễn Thị Ngọc	350	406	
48	Nguyễn Thị Nguyệt	900	326	
49	Nguyễn Văn Quyết	700	380	
50	Nguyễn Văn Hồng	3227	660	
51	Nguyễn Văn Lục	3700	609	
52	Nguyễn Văn Kiểm	1448	440	
53	Nguyễn Thị Mận	648		
54	Nguyễn Văn Cảnh	1813	500	
55	Biện Văn Hồng	4026	1060	
56	Lưu Văn Nghĩa	2200	516	
57	Nguyễn Khắc Hoàng	1834	497	
58	Nguyễn Khắc Thành	1217	600	
59	Lê Ngọc Thuần	1709	420	
60	Lưu Văn Chính	2500	545	
61	Phạm Văn Hướng	642	550	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
62	Trần Thị Kính	1000	523	
63	Nguyễn Văn Xuân	906	490	
64	Nguyễn Văn Việt	850	399	
65	Phạm Văn Phú	1840	426	
66	Nguyễn Văn Sơn	1240	540	
67	Võ Văn Tý	808	560	
68	Võ Văn Mậu	2700	674	
69	Phạm thị Loan	500	368	
70	Nguyễn Thị Bình	1200	600	
71	Phạm Trọng Thủy	2107	690	
72	Phạm Trọng Tý	3059	800	
73	Phạm Thị Thủy	600	501	
74	Phạm Trọng Đồng	2709	775	
75	Nguyễn Khắc Bình	449	610	
76	Nguyễn Văn Hà (lan)	1806	590	
77	Nguyễn Huy Hợi	2560	900	
78	Nguyễn Huy Đông	940	409	
79	Nguyễn Văn Bảo	1150	586	
80	Nguyễn Khắc Đàm	1078	840	
81	Nguyễn Khắc Tâm	1503	860	
82	Phạm Trọng Đức	917	340	
83	Nguyễn Văn Lượng	1936	540	
84	Nguyễn Huy Thân	7472	1880	
85	Võ Văn Sửu	4200	1292	
86	Nguyễn Văn Hòa (thành)	1108	400	
87	Nguyễn Văn Quang	500	303	
88	Nguyễn Hữu Thi	2230	630	
89	Nguyễn Hữu Bình	2200	592	
90	Nguyễn Văn Toàn	2400	685	
91	Nguyễn Văn Lưu	633		
92	Nguyễn Huy Vị	2800	523	
93	Nguyễn Văn Hiên	1488	600	
94	Ngô Văn Tý	1500		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
95	Phạm Mạnh Hùng	400	506	
96	Phạm Trọng Trung	501	400	
97	Nguyễn Thị Hiệp	2692	800	
98	Nguyễn Khắc Thuần	814	450	
99	Nguyễn Văn Danh	632	420	
100	Nguyễn Khắc Tiến	892		
101	Nguyễn Đình Lý	1936	790	
102	Nguyễn Thị Vinh	748	550	
103	Nguyễn lưu Đa	2981	772	
104	Nguyễn Lưu Sơn	1431	560	
105	Nguyễn Lưu Đồng	550		
106	Nguyễn Lưu Tâm	382		
107	Phạm Trọng Sơn	2830	435	
108	Đặng Hữu Hậu	1504	370	
109	Nguyễn Quang Tịnh	4894	488	
110	Phạm Đức Thắng	588		
111	Phạm Đức Lực	600	358	
112	Phạm Đức Lý	962	759	
113	Nguyễn Lưu Năm	3260	814	
114	Võ Khắc Dũng	2660	600	
115	Nguyễn Đình Sửu	2018	782	
116	Nguyễn Đình Thắng	1800	523	
117	Hoàng Thị Cầm	1550	550	
118	Nguyễn Văn Bình	833	436	
119	Lâm Thị Mậu	445	545	
120	Nguyễn Minh Lệ	1275	420	
121	Nguyễn Minh Nhật	1728	930	
122	Nguyễn Thị Thanh	805	484	
123	Phạm Trọng Nam	2608	446	
124	Võ Thị Quế	700		
125	Trịnh Ngọc Kỳ	2109	1000	
126	Phạm Danh Tỵ	2966	1112	
127	Nguyễn Thị Lài	2500	711	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
128	Ngô Văn Thắng	3375	670	
129	Phạm Trọng Quân	2070	1090	
130	Ngô Văn Cường	1108	225	
131	Phạm Danh Ngọ	1364	900	
132	Phạm Thị Oanh	670	694	
133	Phạm Danh Vy	2720	1010	
134	Ngô Văn Thìn	705	500	
135	Ngô Văn Vy	1037	600	
136	Nguyễn Văn Hải	1406	600	
137	Nguyễn Văn Lộc	600	440	
138	Nguyễn Văn Hưng	724	500	
139	Nguyễn Văn Hà	1608	580	
140	Nguyễn Thị Hiền	1550	581	
141	Nguyễn Hoàng Dũng	2770	605	
142	Nguyễn Hoàng ý	1609	580	
143	Nguyễn Huy Ty	2750	1170	
144	Nguyễn Khắc Hường	2918	1300	
145	Nguyễn Tiến Hồng	1713	600	
146	Nguyễn Khăc Định	2400	1021	
147	Nguyễn Khắc Quang	1408	510	
148	Nguyễn Thị Thịnh	1810	640	
149	Nguyễn Khắc Tuấn	1513	960	
150	Nguyễn Khắc Tình	2500	507	
151	Võ Văn Thành	1400	518	
152	Nguyễn Thị Hòa	2000	714	
153	Phạm Hồng Hưng	3908	1630	
154	Nguyễn Văn Ngọ	1950	604	
155	Võ Văn Thiệu	3380	1200	
156	Phạm Trọng Hiệp	850	507	
157	Phạm trọng Hồng	1150	625	
158	Phạm Trọng Quyết	1700	504	
159	Võ Văn Tân	439		
160	Nguyễn Văn Linh	1506	420	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
161	Đồng Văn Xuân		475	
162	Phan Đức Thuận	1814	400	
163	Nguyễn Văn Bắc	430	300	
164	Nguyễn Thị Tuyết	2040	800	
165	Phạm Đức Công	2270	423	
166	Nguyễn Lưu Văn (thạch)	398		
167	Nguyễn Văn Nghĩa	626	400	
168	Hoàng Văn Tâm	827	540	
169	Hoàng Văn Sự	540		
170	Nguyễn Khắc Trường	1025	467	
171	Nguyễn Khắc Sơn	1300	468	
172	Nguyễn Lưu Diễn	466		
173	Nguyễn Lưu Mỹ	855	540	
174	Nguyễn Lưu Văn (hiền)	844		
175	Nguyễn Thị Thiết	1807	480	
176	Nguyễn Thị Lan	345		
177	Nguyễn Văn Chính	2200	512	
178	Nguyễn Văn Thiện	807	450	
179	Nguyễn Văn Tiến	1027	430	
180	Nguyễn Khắc Thắng	820	228	
181	Nguyễn Thị Minh	1314	580	
182	Nguyễn Thị Lịch	2735	500	
183	Nguyễn Khắc Cửu	4939	1380	
184	Nguyễn Văn Hoan	2940	555	
185	Nguyễn Văn Hân	983		
186	Phạm Văn Lượng	944		
187	Phạm Văn Vọ	976		
188	Nguyễn Thị Bình (hiệu)	640		
189	Lưu Văn Đồng	904		
190	Nguyễn Văn Lự	2429	760	
191	Nguyễn Văn Lợi	803	280	
192	Lê Văn Đường	400		
193	Nguyễn Khắc Hợp	453		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
194	Lê Thị Mai	512		
195	Lê Thanh Sơn	1816	550	
196	Phạm Thị Minh	1811	410	
197	Nguyễn Khắc Lý	765		
198	Nguyễn Văn Hòa (hiển)	1390	573	
199	Lưu Văn Bảy	936	530	
200	Phạm Đức Vạn	1623	420	
201	Nguyễn Văn Trọng	1820	370	
202	Trương Đình Thảo	2239	1000	
203	Trương Đình Lương	1505		
204	Nguyễn Khắc Phượng	1000	470	
205	Nguyễn Khắc Thạch	2434	830	
206	Nguyễn Khắc Linh	740	515	
207	Nguyễn Khắc Hợi	2535	300	
208	Nguyễn Lưu Đào	1242	440	
209	Nguyễn Khắc Vân	1600	493	
210	Phạm Đức Thọ	1503	400	
211	Nguyễn Lưu Tình	1054	500	
212	Nguyễn Khắc Ngọc	2700	692	
213	Nguyễn Khắc Hứa	1215	580	
214	Nguyễn Văn Liệu	1120	442	
215	Nguyễn Lưu Tài	2000	500	
TỔNG CỘNG		**345996**	**110431**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN ĐẠI TĂNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trương Đình Liệu	1760		
2	Trần Thị An	900		
3	Lưu Văn Đường	2300		
4	Nguyễn Lưu Tần	690		
5	Trần Văn Minh	1590		
6	Nguyễn Thị Châu	565		
7	Trần Văn Hành	3250		
8	Lưu Văn Tạo	720		
9	Trương Đình Tiến	1420		
10	Nguyễn Văn Thiên (hà)	730		
11	Nguyễn Xuân Tình	1390		
12	Trần Văn Học	1740		
13	Trần Thị Vinh	680		
14	Nguyễn Đình Chỉnh	1145		
15	Nguyễn Khắc Tịnh	2050		
16	Nguyễn Lưu Tình	1020		
17	Nguyễn Lưu Văn	950		
18	Nguyễn Văn Năng	2530		
19	Phạm Văn Hậu	1700		
20	Nguyễn Đình Phúc	1530		
21	Phạm Văn Khuynh	1500		
22	Nguyễn Đình Kiều	1720		
23	Lê Thị Xin	410		
24	Lâm Phúc Vân	1690		
25	Lê Văn Khánh	710		
26	Trần Văn Duẩn (T)	600		
27	Phạm Văn Thịnh (tình)	1285		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
28	Nguyễn Văn Lợi (lành)	1840		
29	Nguyễn Khắc Đương	900		
30	Nguyễn Khắc Chính	800		
31	Nguyễn Khắc Quốc	360		
32	Nguyễn Khắc Tỏ	1160		
33	Nguyễn Lưu Tâm	960		
34	Nguyễn Văn Huân	2260		
35	Nguyễn Xuân Bình (lành)	2320		
36	Phạm Văn Thanh	360		
37	Nguyễn Văn Vinh (liệu)	640		
38	Lâm Phúc Thống	3685		
39	Nguyễn Văn Thiện (loan)	2130		
40	Nguyễn Thị Loan	650		
41	Phạm Văn Đồng	430		
42	Võ Văn Quyết	780		
43	Nguyễn Khắc Xuân	2130		
44	Biện Văn Đào	2340		
45	Nguyễn Văn Khởi	1085		
46	Nguyễn Khắc Khoa	1475		
47	Nguyễn Văn Phượng (lề)	1175		
48	Nguyễn thị Mến	1480		
49	Nguyễn Xuân Định	1655		
50	Lê Đình Thanh	2515		
51	Nguyễn Khắc Ninh	685		
52	Nguyễn Khắc Nguyên	350		
53	Trần Văn Nhân	1480		
54	Nguyễn Khắc Hưng	1300		
55	Nguyễn Văn Chất	360		
56	Nguyễn Khắc Hảo	735		
57	Nguyễn Văn Qúy (liệu)	515		
58	Nguyễn Thị Phương (Anh)	1465		
59	Phạm Đức Giáo	800		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
60	Nguyễn Thị Đức	695		
61	Nguyễn Đình Quyền	1700		
62	Nguyễn Xuân Thư	1270		
63	Nguyễn Văn Phương (hường)	1410		
64	Nguyễn Thị Hợi (đắc)	1215		
65	Nguyễn Khắc Long	500		
66	Nguyễn Văn Hữu	1585		
67	Nguyễn Đình Đông	360		
68	Nguyễn Thị Hoa (Hồ)	930		
69	Phạm Đức Cảnh	505		
70	Nguyễn Khắc Tùng	500		
71	Nguyễn Khắc Vân	390		
72	Nguyễn Văn Tâm (liên)	850		
73	Nguyễn Hải Nam	1660		
74	Nguyễn Thị Nghệ	1615		
75	Nguyễn Văn Thành	1900		
76	Nguyễn Khắc Thu	1270		
77	Nguyễn Văn Trường (hạnh)	960		
78	Nguyễn Văn Phú (thảo)	970		
79	Nguyễn Văn Chương	2450		
80	Trần Đức Huệ	2090		
81	Nguyễn Khắc Trinh	1650		
82	Nguyễn Văn Đức (Vân)	650		
83	Nguyễn Văn Đệ	2165		
84	Nguyễn Đình Sinh	850		
85	Nguyễn Văn Dần	1110		
86	Biện Văn Tuấn	1350		
87	Lê Đình Phú	1725		
88	Nguyễn Văn Hoàn	720		
89	Trần Đức Thiện	822		
90	Nguyễn Văn Báu	1900		
91	Nguyễn Công Chính	1830		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
92	Võ Thị Trương	1370		
93	Nguyễn Xuân Vinh	1480		
94	Nguyễn Thị Quang	1655		
95	Nguyễn Thị Ngự	1770		
96	Nguyễn Đình Lạc	1880		
97	Lê Thanh Lãm	1700		
98	Nguyễn Thị Kỳ	1435		
99	Nguyễn Văn Hiệu	1715		
100	Trần Văn Tâm	1600		
101	Nguyễn Văn Sự	2510		
102	Trần Văn Duẫn	1030		
103	Nguyễn Văn Diệu	510		
104	Trần Minh Lan	1290		
105	Nguyễn Thông Điệp	745		
106	Biện Văn Hồng	1535		
107	Nguyễn Văn Thược	1800		
108	Dương Thị Hảo	500		
109	Nguyễn Văn Miên	1500		
110	Nguyễn Văn Xuyên	1285		
111	Nguyễn Văn Sinh	570		
112	Nguyễn Văn Mạo	610		
113	Lâm Phúc Anh	3310		
114	Nguyễn Văn Qúy	1360		
115	Nguyễn Văn Hoa	1435		
116	Phạm Thị Thi	280		
117	Trần Thị Tuyết	320		
118	Nguyễn Văn Nhiên	1120		
119	Nguyễn Văn Lý	853		
120	Nguyễn Văn Nhân	2815		
121	Nguyễn Văn Tịnh	775		
122	Nguyễn Văn Hải Diễn	685		
123	Nguyễn Khắc Tuấn	1155		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
124	Nguyễn Văn Sơn	1130		
125	Nguyễn Văn Hường	680		
126	Nguyễn Thị Tính	1110		
127	Nguyễn Văn Lợi (Hiển)	2660		
128	Nguyễn Đình Quát	1512		
129	Lâm Phúc Lịch	1810		
130	Nguyễn Văn Quang	750		
131	Biện Văn Nhật	1500		
132	Nguyễn Thị Viêm	1455		
133	Võ Văn Thắng	1112		
134	Nguyễn Văn Vinh Aí	662		
135	Nguyễn Lưu Hậu	1790		
136	Nguyễn Văn Đức (thảo)	845		
137	Nguyễn Lưu Hùng	770		
138	Nguyễn Văn Chính (mỹ)	1692		
139	Võ Văn Vinh (lành)	880		
140	Nguyễn Văn Hoàng (duyên)	1395		
141	Nguyễn Văn Bình (lan)	740		
142	Lê Đình Bắc	2395		
143	Võ Văn Sáng	542		
144	Nguyễn Lưu Đại	2382		
145	Nguyễn Văn Vạn	1455		
146	Nguyễn Văn Hường	705		
147	Nguyễn Văn Hòa (an)	2290		
148	Nguyễn Khắc Kiền	2230		
149	Nguyễn Xuân Bính (lương)	2143		
150	Nguyễn Văn Lộc	2182		
151	Nguyễn Văn Hạnh	1607		
152	Nguyễn Văn Toản	2045		
153	Nguyễn Văn Tâm (lành)	2100		
154	Nguyễn Lưu Hòa (thược)	2016		
155	Lê Thị Hưởng	2570		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
156	Trần Thị Quyết	1670		
157	Nguyễn Đức Hồng	1670		
158	Nguyễn Đức Nhiên	360		
159	Nguyễn Văn Đồng (lan)	1213		
160	Nguyễn Văn Trung (liên)	807		
161	Nguyễn Xuân Hòa (toại)	2290		
162	Nguyễn Khắc Trung	1890		
163	Nguyễn Khắc Huân	1132		
164	Nguyễn Xuân Thiêm	600		
165	Lê Đình Hải	1840		
166	Nguyễn Lưu Tòng	920		
167	Nguyễn Văn Đường (long)	1166		
168	Nguyễn Văn Ninh	1452		
169	Nguyễn Khắc Luyến	2218		
170	Võ Văn Hương	1823		
171	Biện Văn Thi	1642		
172	Trần Văn Thủy	3417		
173	Nguyễn Văn Thiên(K)	937		
174	Nguyễn Văn Song	2130		
175	Nguyễn Văn Quang (lan)	1050		
176	Lê Đình Vân	1658		
177	Trần Thị Xuân (hưởng)	1658		
178	Lưu Văn Sáng	838		
179	Phạm Văn Bình	2107		
180	Nguyễn Văn Lợi (Hoa)	735		
181	Trương Đình Đồng	1035		
182	Nguyễn Văn Thanh	1482		
183	Nguyễn Thị Xuân (viện)	682		
184	Nguyễn Lưu Tuyên	1025		
185	Trần Văn Quang (hiếu)	1250		
186	Lê Văn Đài	995		
187	Nguyễn Hoàng Dung	1420		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
188	Trương Đình Lâm	976		
189	Nguyễn Văn Thủy	470		
190	Trần Thị Ân	925		
191	Nguyễn Khắc Sỹ	2212		
192	Nguyễn Thị Phương (thơ)	825		
193	Võ Thị Mỹ (lý)	960		
194	Biện Văn Quế	1353		
195	Nguyễn Văn Thuận	1945		
196	Nguyễn Khắc Chiến	884		
197	Nguyễn Khắc Phượng	1350		
198	Nguyễn Văn Yên	840		
199	Nguyễn Văn Thuyết	2092		
200	Nguyễn Lưu Pháp	1863		
201	Lê Văn Sơn (xin)	1813		
202	Biện Văn Tuất	2428		
203	Nguyễn Văn Liễu	1576		
204	Nguyễn Khắc Trường	600		
205	Trần Văn Kiểu	992		
206	Nguyễn Thị Hoa	1070		
207	Nguyễn Đình Bắc	435		
208	Nguyễn Văn Quyền	1086		
209	Nguyễn Văn Sinh (P)	1553		
210	Nguyễn Khắc Thực	663		
211	Biện Văn Yên	2567		
212	Nguyễn Văn Điểm	3205		
213	Nguyễn Thị Từ	1482		
214	Nguyễn Văn Lưu	1012		
215	Nguyễn Văn Hậu	1586		
216	Nguyễn Văn Thanh (Đạt)	1370		
217	Nguyễn Văn Lĩnh	893		
218	Nguyễn Văn Hội	870		
219	Nguyễn Lưu Vị (lành)	1630		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
220	Nguyễn Viết Nhật	1308		
221	Nguyễn Văn Lâm	706		
222	Nguyễn Văn Dũng	1048		
223	Nguyễn Khắc Vỹ	947		
224	Nguyễn Văn Hồng	350		
225	Nguyễn Văn Hải (Thanh)	350		
226	Lê Thị Niệm	405		
227	Nguyễn Khắc Thành	1400		
228	Nguyễn Văn Sâm (toan)	3280		
229	Nguyễn Đình Hiền	683		
230	Nguyễn Đình Đức	1404		
231	Nguyễn Văn Hà(ánh)	1380		
232	Nguyễn Thừa Hương	3122		
233	Nguyễn Hoàng Thống	2153		
234	Nguyễn Hoàng Lương	508		
235	Hoàng Thị Bính	995		
236	Lâm Phúc Vinh	2142		
237	Lâm Phúc Phú	2941		
238	Nguyễn Hoàng Cảnh	2397		
239	Nguyễn Văn Nghi	952		
240	Kiều Thị Phước	400		
241	Lâm Phúc Đoan	910		
242	Nguyễn Văn Hoàng(Dung)	961		
243	Nguyễn Hoàng Quyết	400		
244	Đàm Văn Huấn	1400		
245	Lâm Phúc Minh	1000		
246	Lâm Phúc Thắng	250		
247	Nguyễn Hoàng Quyền	940		
248	Nguyễn Hoàng Linh	2125		
249	Nguyễn Thừa Bình	2508		
250	Lê Văn Hộ	1574		
251	Lê Văn Sơn(Hộ)	1085		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
252	Lâm Phúc Đương	1653		
253	Trần Văn Qúy	3181		
254	Nguyễn Hoàng Nhơn	2754		
255	Văn Thị Gái	418		
256	Kiều Đình Dũng	457		
257	Nguyễn Hoàng Độ	2740		
258	Phạm Văn Hòa	1940		
259	Đàm Thị Thân	1145		
260	Nguyễn Xuân Yên	2150		
261	Trần Văn Xuân	1408		
262	Trần Thị Tiến	660		
263	Kiều Đình Thi	1390		
264	Dương Thị Anh	1138		
265	Trần Thị Vân	407		
266	Nguyễn Thị Miên	727		
267	Phạm Văn Thuận	1308		
268	Phạm Văn Quang	2025		
TỔNG CỘNG		**364908**	**0**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN XUÂN LÂU

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Đăng Hạnh	3650	700	
2	Nguyễn Huy Duyệt	1250	2050	
3	Dương Thị Minh	1000	500	
4	Trần Văn Khánh	1700	1250	
5	Nguyễn Văn Bình	2250	2550	
6	Trần Thị Thân	500	1250	
7	Phạm Hường	1500	1000	
8	Chu Văn Khương	750	2000	
9	Trần Đăng Tuất	1250	500	
10	Dương Văn Dung	1750	3000	
11	Lê Đình Hiếu	750	4000	
12	Nguyễn Văn Toàn	2300	1250	
13	Lê Quang Tăng	1250	0	
14	Trần Văn Thanh	3800	600	
15	Nguyễn Thị Thái	750	750	
16	Trần Đăng Hà	750	1950	
17	Phạm Văn Thiện (Thanh)	750	0	
18	Trần Đăng Lưu	2750	750	
19	Nguyễn Xuân Thủy	0	500	
20	Dương Thị Mày	0	1000	
21	Phan Văn Thị	1000	500	
22	Bùi Thị Hương	0	500	
23	Lê Đình Hợi	3500	2500	
24	Phạm Văn Hùng	1000	500	
25	Trần Đăng Dần	2000	4250	
26	Nguyễn Thị Loan	1000	0	
27	Trần Đăng Truyền	2500	1000	
28	Trần Đăng Lộc	1000	1400	
29	Trần Thị Lệ	500	1000	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Lê Anh Tuấn	5800	1600	
31	Phạm Thị Xuân	2000	750	
32	Nguyễn Thị Văn	0	1000	
33	Hồ Văn Dũng	2000	3000	
34	Nguyễn Bá Phượng	0	500	
35	Nguyễn Thị Loan	1850	0	
36	Trần Duy Toàn	1450	0	
37	Trần Đăng Mận	2000	1500	
38	Trần Hữu Trí	750	1250	
39	Trần Quang Hồng	3000	1250	
40	Trần Duy Thiệu	2000	1250	
41	Hồ Thị Lục	2200	0	
42	Trần Hữu Toàn	1450	0	
43	Hồ Văn Hải	3200	1450	
44	Nguyễn Xuân Bình	2000	500	
45	Trần Hữu Lộc	1000	750	
46	Nguyễn Quang Tiến	850	950	
47	Lê Định	1200	0	
48	Bùi Đức Toàn	1200	0	
49	Nguyễn Thị Lộc	1000	0	
50	Phạm Thị Đăng	1500	1050	
51	Trần Đăng Mậu	2500	750	
52	Trần Đăng Hợi	4750	2500	
53	Lê Bình	1900	1250	
54	Trần Thị Lộc	0	1250	
55	Dương Hợi	1150	1250	
56	Trương Quang Tiến	1500	750	
57	Phan Thị Xuân	500	1350	
58	Đinh Thị Trang	2000	0	
59	Trần Thị Sửu	0	1200	
60	Trương Quang Vinh	1500	4000	
61	Lê Thị Việt	0	750	
62	Trần Thanh Tùng	0	1800	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
63	Nguyễn Thị Thảo	0	1250	
64	Trần Quốc Khánh	0	500	
65	Dương Văn Sửu	1250	1500	
66	Nguyễn Văn Hà	2000	1250	
67	Trần Đăng Thêm	3350	1750	
68	Nguyễn Xuân Tuấn	3250	1000	
69	Trần Thị Liên	1750	500	
70	Bùi Văn Hạ	1750	600	
71	Bùi Văn Nhàn	2000	0	
72	Bùi Văn Duẩn	500	0	
73	Dương Hữu Bính	1000	0	
74	Dương Xuân Hùng	1250	1500	
75	Dương Văn Cảnh	1250	1250	
76	Bùi Đức Sinh	1000	850	
77	Trần Thị Xuân	3500	1000	
78	Nguyễn Thị Nguyệt	1500	1500	
79	Nguyễn Xuân Kỷ	2000	900	
80	Nguyễn Thị Liêm	1500	900	
81	Dương Văn Hiển	4100	1150	
82	Dương Thị Danh	0	750	
83	Đào Xuân Phước	1000	1500	
84	Dương Văn Thanh	850	2000	
85	Bùi Thị Hiếu	1000	750	
86	Dương Thị Hiên	2500	1700	
87	Trần Duy Thân	3250	1350	
88	Lê Quốc Văn	1500	700	
89	Nguyễn Thái Bình	1450	750	
90	Nguyễn Bá Long	2850	1000	
91	Trần Duy Hương	1400	2350	
92	Trần Hữu Phú	1750	800	
93	Nguyễn Thị Luân	1000	0	
94	Nguyễn Thị Minh	1250	0	
95	Nguyễn Văn Vân	2000	500	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
96	Nguyễn Văn Nghịa	1750	1250	
97	Nguyễn Đình Sơn	600	0	
98	Phạm Văn Thủy	1750	0	
99	Nguyễn Bá Hải	1250	0	
100	Nguyễn Văn Phượng	3300	800	
101	Nguyễn Bá Hiền	1250	0	
102	Dương Văn Linh	3800	2000	
103	Lê Thị Lài	1150	1000	
104	Hà Huy Nghịa	3350	1250	
105	Lê Công Lương	1000	500	
106	Lê Đình Chiến	2000	1000	
107	Hồ Văn Công	3000	1500	
108	Võ Tá Thái	3300	900	
109	Hồ Nuôi	1500	1000	
110	Trần Thị Minh	1500	900	
111	Võ Tá Phong	2000	1500	
112	Nguyễn Văn Luận	2500	1000	
113	Lê Thị	1000	500	
114	Nguyễn Văn Long	2450	2000	
115	Trần Văn Anh	2750	1100	
116	Dương Ngọc Đức	3000	1000	
117	Lê Đình Cử	2400	500	
118	Đào Văn Trung	900	1600	
119	Trần Hữu Trường	4000	1500	
120	Nguyễn Văn Nuôi	600	1600	
121	Nguyễn Xuân Vọ	2150	1600	
122	Dương Ngọc Quế	2000	1500	
123	Võ Tá Giáp	2000	1500	
124	Nguyễn Văn Tình	3000	1500	
125	Lê Thị Hiệp	1000	1400	
126	Dương Văn Quang	3000	1500	
127	Dương Thị Huệ	500	1000	
128	Nguyễn Xuân Hoàn	3000	2000	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m^2)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
129	Dương Thị Vỹ	1500	1000	
130	Trịnh Thị Hoan	1500	900	
131	Lê Đình Huân	1500	1500	
132	Lê Thị Lý	1500	500	
133	Dương Văn Kỳ	3000	1500	
134	Dương Văn Tiến	2000	1000	
135	Dương Văn Tuấn	600	0	
136	Hồ Văn Tuần	3000	500	
137	Đào Văn Chiến	2400	1000	
138	Lê Thị Hường	1000	1000	
139	Lê Công Tuấn	2000	500	
140	Dương Văn Dũng	2000	1500	
141	Nguyễn Văn Duyệt	2000	500	
142	Nguyễn Văn Thủy	2000	1500	
143	Nguyễn Xuân Chính	500	0	
144	Nguyễn Văn Hùng	500	0	
TỔNG CỘNG		**243950**	**151750**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN HOA THÁM

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Đỗ Đình Trận	3.682	-	
2	Tạ Xuân Thái	5.864	-	
3	Nguyễn Xuân Lộc	4.066	890	
4	Nguyễn Đương	3.307	389	
5	Nguyễn Phú	1.865	893	
6	Trần Thị Lộc	2.926	2.209	
7	Lê Văn Lượng	1.259	-	
8	Nguyễn Văn Thống	1.614	939	
9	Tạ Xuân Tài	2.532	-	
10	Tạ Văn Thiện	1.165	1.698	
11	Lê Xuân Hoa	3.396	-	
12	Lê Hiếu An	991	-	
13	Lê Hoàng Trung	1.054	-	
14	Nguyễn Thị Thành	1.758	1.250	
15	Tạ Trọng	2.856	-	
16	Tạ Thị Nam	1.204	-	
17	Tạ Xuân Bình	2.366	618	
18	Đào Xuân Mậu	1.314	-	
19	Đào Xuân Anh	1.300	1.185	
20	Lê Xuân Lý	-	4.679	
21	Đào Xuân Hợi	3.757	-	
22	Dương Thị Hải	1.607	1.487	
23	Đào Xuân Huyền	2.317	-	
24	Đào Xuân Hùng	4.471	-	
25	Nguyễn Văn Tuân	2.213	-	
26	Phạm Văn Phượng	1.164	-	
27	Phạm Chắt	984	1.008	
28	Nguyễn Xuân Huệ	330	-	
29	Tạ Phú	2.838	-	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Nguyễn Thị Hương	975	2.102	
31	Đào Xuân Mạnh	5.267	-	
32	Nguyễn Xuân Quế	6.649	-	
33	Bùi Đức Hải(Hoa)	1.139	-	
34	Nguyễn Thị Loan	2.539	-	
35	Nguyễn Trọng Hưng	2.652	-	
36	Hồ Khắc Hùng	1.014	1.266	
37	Đoàn Xuân Mạo	6.808	550	
38	Lê Xuân Tý	1.212	2.162	
39	Lê Thị Bình	2.432	457	
40	Bùi Đức Hạnh	993	-	
41	Bùi Thị Giáo	1.661	-	
42	Lê Xuân Hạnh	572	2.441	
43	Đặng Hữu Hải	3.073	-	
44	Bùi Đức Quân	3.792	-	
45	Dương Văn Kỳ	3.454	195	
46	Bùi Đức Thêm	2.325	1.963	
47	Trương Quang Bình	3.515	-	
48	Trần Thị Lý	1.615	-	
TỔNG CỘNG		**115.887**	**28.381**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TÂN MỸ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Phạm Thành	2.656,1	885,4	
2	Nguyễn Phượng	3.749,6	1.249,9	
3	Nguyễn Ninh	3.141,6	1.047,2	
4	Trần Thắng	2.124,8	708,3	
5	Bùi Bính	3.354,1	1.118,0	
6	Lê thị Diện	2.531,3	843,8	
7	Nguyễn Dũng	4.713,8	1.571,3	
8	Dương thị Luân	1.301,4	433,8	
9	Phan Duẫn	929,9	310,0	
10	Phan Thị Phương	550,5	183,5	
11	Trần Văn Tiến	935,3	311,8	
12	Nguyễn Tùng	2.938,2	979,4	
13	Bùi Công	816,0	272,0	
14	Bùi Lượng	2.307,1	769,0	
15	Phan Vinh	515,5	171,8	
16	Đào Xuân Anh	1.025,8	341,9	
17	Hoàng Hoạt	2.607,8	869,3	
18	Vỏ Thị Sơn	2.026,3	675,4	
19	Bùi Đức Hà	5.532,8	1.844,3	
20	Lê Đạt (Nghị)	839,3	279,8	
21	Bùi Đức Lĩnh	3.188,6	1.062,9	
22	Bùi thị Đào	2.228,4	742,8	
23	Ng Khánh	2.269,3	756,4	
24	Lê Thanh Hưng	688,9	229,6	
25	Bùi thị Xuân	1.516,3	505,4	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
26	Trần Hữu Quế	1.158,0	386,0	
27	Nguyễn Lụa	2.635,5	878,5	
28	Võ Tá Sơn	1.790,4	596,8	
29	Phan Hiệp	1.685,6	561,9	
30	Bùi Đức Thảo	1.932,5	644,2	
31	Hoàng thị Thắm	2.102,2	700,7	
32	Đào Xuân Cháu	2.528,1	842,7	
33	Võ Hữu Quang	3.273,0	1.091,0	
34	Đào Xuân Lĩnh	1.913,0	637,7	
35	Nguyễn Song Định	4.886,9	1.629,0	
36	Trần Hòa	2.738,3	912,8	
37	Bùi Đức Minh	2.245,8	748,6	
38	Trần thị Tuyết	1.548,8	516,3	
39	Đoàn Thường	3.412,7	1.137,6	
40	Bùi Bình	3.535,1	1.178,4	
41	Nguyễn Hiệp	2.752,7	917,6	
42	Nguyễn Phụng	1.554,5	518,2	
43	Bùi thị Châu	2.024,5	674,8	
44	Bùi Đức Côi	1.306,5	435,5	
45	Hoàng Văn Mại	2.455,8	818,6	
46	Võ Phong	2.693,1	897,7	
47	Võ Hữu Lợi (P)	650,0	216,7	
48	Nguyễn Song Huân	598,8	199,6	
49	Nguyễn Dần	804,3	268,1	
50	Nguyễn Giáp	627,8	209,3	
51	Nguyễn Tý	1.114,7	371,6	
52	Võ Hữu Hoa	2.584,3	861,4	
53	Đoàn Thị Thiết	2.139,0	713,0	
54	Bùi Đức Lịch	2.642,3	880,8	
55	Dương Thị Loan	2.287,6	762,5	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
56	Đào Dủng	5.361,2	1.787,1	
57	Võ Hữu Hùng	3.358,2	1.119,4	
58	Phan Hợi	145,4	48,5	
59	Bùi Đức Minh	1.596,0	532,0	
60	Nguyễn Hưng	3.544,5	1.181,5	
61	Nguyển Thị Tuyết	2.500,7	833,6	
62	Trương Huy Mạnh	1.844,9	615,0	
63	Bùi Đức Trường	3.247,7	1.082,6	
64	Nguyễn Đình Hải	1.616,6	538,9	
65	Nguyễn Đình Hà	1.636,4	545,5	
66	Hoàng Nông	1.488,2	496,1	
67	Đào Xuân Thơ	2.227,1	742,4	
68	Đào Xuân Quí	3.472,4	1.157,5	
69	Võ Hữu Minh (Mận)	3.180,0	1.060,0	
70	Hà Thị Canh	2.490,2	830,1	
71	Nguyễn Huy Khoa	2.106,8	702,3	
72	Đào Xuân Lạch	922,0	307,3	
73	Bùi Thị Xuân	639,4	213,1	
74	Lê Xuân Sự	1.711,5	570,5	
75	Lê Thị Xuân	840,8	280,3	
76	Nguyễn Tố	2.957,3	985,8	
77	Võ Hữu Hoàng	2.141,6	713,9	
78	Hoàng Hoan	593,5	197,8	
79	Võ tá Ới	2.076,5	692,2	
80	Đào Quyết	4.027,9	1.342,6	
81	Đào Huấn	2.585,4	859,7	
82	Bùi Thị Phương	4.117,7	1.372,6	
83	Dương Thị Luận	3.572,3	1.190,8	
84	Hoàng thị Thái	1.050,0	350,0	
85	Trần Đình Toàn	860,3	286,8	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
86	Nguyễn Huy Đỉnh	1.284,0	428,0	
87	Hoàng Hùng	3.503,7	1.167,9	
88	Võ Bình	1.294,7	431,6	
89	Trần Tuấn	1.167,9	389,3	
90	Võ thị Hợp	3.805,0	1.268,3	
91	Võ Chiến	886,4	295,5	
92	Dương Văn Đức	3.596,6	1.198,9	
93	Nguyễn Huy Nhung	3.095,1	1.031,7	
94	Võ Hữu Mạnh	2.377,2	792,4	
95	Nguyễn Hùng	2.837,8	945,9	
96	Võ tá Thảo	1.518,0	506,0	
97	Võ thị Dần	1.585,1	528,4	
98	Hoàng Văn Dân	2.619,2	873,1	
99	Trần Huy	1.075,3	358,4	
100	Trương Huy Hợi	2.875,8	958,6	
101	Trương Hoài	2.697,5	899,2	
102	Thái thị Oanh	1.758,5	586,2	
103	Phan Thanh Sơn	3.507,9	1.169,3	
104	TRần Hậu Thanh	3.721,1	1.240,4	
105	Nguyễn Nga	1.987,5	662,5	
106	Trần Hậu Lý	5.364,0	1.788,0	
107	Lưu Tưởng	3.465,5	1.155,2	
108	Nguyễn Quí Châu	2.082,3	694,1	
109	Võ chí Thanh	2.664,0	888,0	
110	Nguyễn Thị Hương	2.508,9	836,3	
111	Phan Tâm	3.623,6	1.207,9	
112	Nguyễn Thị Minh	1.248,8	416,3	
113	Phan Thanh Lý	2.095,1	698,4	
114	Đoàn Ngôn	2.486,3	828,8	
115	Võ Tá Kỷ	884,0	294,7	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
116	Trần thị Huệ	1.500,2	500,1	
117	Lê Đình Bình	629,5	209,8	
118	Nguyễn Thảo	2.523,3	841,1	
119	Nguyễn Thị Thanh	1.667,9	556,0	
120	Hà thị Nhung	1.505,0	501,7	
121	Phan Thanh Quang (Luân)	2.323,9	774,6	
122	Đoàn Xuân Ngự	2.700,3	900,1	
123	Phan Thanh	3.910,4	1.303,5	
124	Võ Thị Cúc	1.395,6	-	
125	Trịnh Cảnh	1.592,5	530,8	
126	Nguyễn Thị Mạnh	2.010,2	670,1	
127	Nguyễn Viết Xuân	3.143,5	1.047,8	
128	Nguyễn Viết Bình	694,5	231,5	
129	phan Thanh Khang	1.797,2	599,1	
130	Phan Thanh Chắt	1.682,3	560,8	
131	Phan thị Hồng	1.577,3	525,8	
132	Phan thị Phi	615,6	205,2	
133	Đậu thị Luận	1.560,0	520,0	
134	Trịnh X Quang	2.060,6	686,9	
135	Ng Quang T	1.845,5	615,2	
136	Bùi Thị Chắt	663,6	221,2	
137	Trần Quang	1.167,5	389,2	
138	Nguyễn Thị Kỷ	2.190,8	730,3	
139	Nguyễn Sơn	1.507,3	502,4	
140	Đậu Thị Hòe	2.215,3	738,4	
141	Đậu Minh	1.803,4	601,1	
142	Hoàng Luận	3.153,5	1.051,2	
143	Nguyễn Hợi	3.996,8	1.332,3	
144	Ng thị Tiến	2.272,5	757,5	
145	Nguyễn Văn Phúc	2.000,3	666,8	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
146	Nguyễn Văn Kỳ	2.660,6	886,9	
147	Nguyễn Thị Thu	1.592,5	530,8	
148	Vỏ Thị Đỉnh (Nam	1.581,8	527,3	
149	Phan Thanh Mại	1.896,5	632,2	
150	Trần Thị Phương	2.613,5	871,2	
151	Nguyễn Văn Hùng (Tập)	3.706,5	1.235,5	
152	Đoàn Xuân Lâm	1.504,0	501,3	
153	Dương Văn Hòa	2.812,4	937,5	
154	Trần Hậu Thế	1.107,4	369,1	
155	lê thị Nhàn	1.873,3	624,4	
156	Nguyễn Văn Lộc (Minh)	793,7	264,6	
157	Võ Tá Kỳ	2.378,3	792,8	
158	TRần Văn Hải	3.141,8	1.047,3	
159	Lê Đình Nam	1.203,2	401,1	
160	Võ Hữu Thùy	1.289,6	429,9	
161	Nguyễn Huy Cường	3.792,2	1.264,1	
162	Lê Văn Long	2.198,0	732,7	
163	Phan Kính	821,3	273,8	
164	Bùi Đức Hòe	1.281,0	427,0	
165	Võ Hữu Vinh	890,0	296,7	
166	Phan Thanh Bình	930,7	310,2	
167	Phan Thanh Diệu	474,8	158,3	
168	Hoàng Văn Thắng	2.787,5	929,2	
169	Trương Chiến	542,6	180,9	
170	Đào Trọng Hùng (Lý)	3.412,7	1.137,6	
171	Dương Khang	684,5	228,2	
172	Vỏ Hữu Thắng	1.566,2	522,1	
173	Lê Phượng	375,0	125,0	
174	Phan Văn Tuấn	1.622,3	540,8	
175	Đào Xuân Hùng (Đức)	735,0	245,0	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
176	Đoàn X Tuấn	1.020,0	340,0	
177	Trịnh Xuân Cường	908,6	302,9	
178	Trịnh Xuân Thắng	1.400,3	466,8	
179	Hoàng Toàn	1.387,3	462,4	
180	Võ Quốc Vương	375,0	125,0	
181	Bùi Văn Ngọ	1.169,0	389,7	
182	Trịnh Xuân Bảo	682,1	227,4	
183	Nguyễn Tuấn Trang	928,3	309,4	
184	Đâụ Văn Nam	2.245,0	748,3	
185	Nguyễn Văn Phú	1.125,0	375,0	
186	Nguyễn Văn Thống	1.200,0	400,0	
187	Nguyễn Văn Lộc	1.365,0	455,0	
TỔNG CỘNG		**383.420,60**	**127.341,70**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN CHU TRINH

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trương Tạo	4764		
2	Lê Thị Thanh	2511		
3	Võ Tá Quyết	3911	1300	
4	Ngô Thị Thiều	2722		
5	Vỏ Tá Toan	2279	500	
6	Trần Văn Nghĩa	746	700	
7	Trần Xuân Lộc	3122		
8	Dương Thị Liễu	2268	1000	
9	Nguyễn Thị Lương	1310	1500	
10	Nguyễn Thị Long	3870	1810	
11	Trần Văn Phong	933		
12	Lê Thị Hồng	3549	1500	
13	Nguyễn Thị Hiện	3456	1604	
14	Nguyễn Tiến Mạnh	1100	1080	
15	Phan Khắc Hoài		692	
16	Lưu Văn Hạnh	1954	1000	
17	Nguyễn Công Hiếu	1992		
18	Nguyễn Công Thiện	1349	300	
19	Lê Thị Huyền	2157	800	
20	Nguyễn Thảo	765	600	
21	Bùi Ngọ	600	536	
22	Dương Hùng	1974		
23	Đoàn Xuân Luận	1345		
24	Đoàn Thị Xuân	2019	19500	
25	Lê Thị Hiền	1522		
26	Phạm Thị Châu	1027		
27	Đào Xuân Hà	1528	1900	
28	Đinh Ngọc Phú	1260	1209	
29	Nguyễn Thị Thảo	600	627	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Nguyễn Thị Huyên	500	553	
31	Trần Công Tình	3054	3100	
32	Phan Thị Thu	2701		
33	Nguyễn Tiến Hợi	735	800	
34	Lê Thị Dung	1500	2019	
35	Lưu Văn Minh (Tứ)	2100	2842	
36	Phan Khắc Duân	2302	2640	
37	Phan Khắc Tài	1762	1500	
38	Nguyễn Tiến Dũng (Hợi)	500	2700	
39	Võ Tá Tiến	2066	2100	
40	Võ Tá Quân	2022		
41	Lưu Văn Phương (Tuyền)	2208	2340	
42	Trần Huân	1500	1339	
43	Võ Tá Trung	1550	2306	
44	Lê Văn Trị	1000	500	
45	Dương Văn Long	620	400	
46	Lê Văn Hòa	1590	1111	
47	Lưu Hiếu	3029	1300	
48	Võ Tá Huy (Minh)	1508	1388	
49	Võ Thị Nghĩa	600	634	
50	Võ Tá Hiệp	1534	1079	
51	Võ Tá Tuấn	1097	938	
52	Ngô Bính	2700	1511	
53	Lưu Diệu	2029	2300	
54	Lưu Hải	2200	2018	
55	Lưu Khánh Chuyên	1038	1200	
56	Lưu Văn Đạt	589	1000	
57	Võ Tá Thọ	1536		
58	Trần Mại	1200	1202	
59	Võ Tá Tân	1267	1300	
60	Lưu Lư	1500	1580	
61	Lưu Phong	1500	1545	
62	Lưu Văn Lợi	1500	1368	
63	Lưu Văn Hương	2408	1400	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
64	Võ Tá An	1500	1451	
65	Đặng Thị Tâm	2797		
66	Võ Tá Hợp	1150	1102	
67	Võ Tá Thiện	1190	1200	
68	Võ Tá Hồng	1299	1200	
69	Dương Thị Hà	2226	2230	
70	Hoàng Đạt	1104	1200	
71	Hoàng Danh	566		
72	Trương Văn Minh	1109	1260	
73	Võ Thị Thuận	1200	1170	
74	Lưu Phúc	1541		
75	Lưu Văn Mỹ	2144	2500	
76	Lưu Thị Dướng	500	390	
77	Lưu Thảo	1500	1526	
78	Nguyễn Văn Lý	1508	2190	
79	Nguyễn Văn Hải	1279	1400	
80	Võ Tá Thảo	750	782	
81	Võ Thị Thanh	746		
82	Võ Tá Nghệ	1489	1500	
83	Đậu Thị Vinh	800	832	
84	Võ Thị Minh	585	500	
85	Nguyễn Đức	1900	1925	
86	Võ Tá Bính	1233	1260	
87	Nguyễn Văn Bình	1204	1200	
88	Nguyễn Trọng Điểm	1100	1098	
89	Nguyễn Thị Xuân	1176		
90	Phan Thành Giáp	667	700	
91	Đậu Ý	4200	2059	
92	Võ Tá Hùng	964	950	
93	Lưu Quốc Khánh	2020	2300	
94	Lưu Văn Côi	1500	1303	
95	Lưu Văn Nghị	1168	1000	
96	Trần Văn Dũng	1240	1247	
97	Võ Tá Lâm	2500	911	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
98	Đậu Hợi Hà	4800	2820	
99	Nguyễn Công Báu	1015	1475	
100	Lưu Văn Phương (Thu)	1206	1460	
101	Võ Tá Huy (Tâm)	2924		
102	Đậu Đình Hợi (Mại)	2400	1403	
103	Hoàng Quyết	1186	1200	
104	Lưu Văn Ký	3127	1500	
105	Nguyễn Trọng Nghĩa	2004	1320	
106	Trần Thị Nhung	145	1200	
107	Lưu Văn Mậu	718	800	
108	Thái Thanh	1000	1144	
109	Thái Hòa	2500	2421	
110	Võ Thị Thuyết	1660	1800	
111	Cao Hà	800	732	
112	Nguyễn Văn Vị	2163	1800	
113	Lưu Văn Mính	1550	1600	
114	Phạm Giáp	3000	1928	
115	Phan Khắc Biên	1700	1758	
116	Võ Tá Nam	892	800	
TỔNG		**194.223**	**151.718**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN PHƯƠNG TRÚ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Dương Hiệp	789	1.400	
2	Lê Phúc	712	2.538	
3	Hoàng Mỹ	2.675		
4	Hồ Khắc Loan	900		
5	Lê Văn Lân	1.950		
6	Cao Tình	1.000	500	
7	Lê Văn Thành	355	700	
8	Dương Sương	3.374	643	
9	Lê Văn Chiến	2.000	500	
10	Lê Văn Dũng	2.300	700	
11	Lê Nhân	3.405	1.500	
12	Lê Tự	1.400		
13	Lê Ngọc Thuần	3.875	1.222	
14	Trần Bảy	710		
15	Cao Anh Tứ	1.916	440	
16	Hồ Khắc Phú	994		
17	Dương Trung	1.889	639	
18	Lê Khẩu	2.957	1.245	
19	Lê Xuân Chương	1.700		
20	Phan Lục	1.111	500	
21	Lê Thị Tâm	1.119	530	
22	Lê Long	1.397	644	
23	Phạm Thị Túy	1.631		
24	Lê Thị Mai	1.322		
25	Võ Nam	671		
26	Trần Thị Luận	826		
27	Võ Bình	1.984	653	
28	Bùi Thị Liên	744		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
29	Trần Toàn	1.240	1.000	
30	Trân Hòa	1.057		
31	Lê Văn Hải	1.822		
32	Dương Yến	1.971	818	
33	Dương Sự	1.294		
34	Lê Thi Lương	800	412	
35	Trần Lý	2.979	655	
36	Trần Hữu Lâm	1.586	300	
37	Lê Đức Minh	2.691	1.000	
38	Phan Ngụ	2.081	842	
39	Phan Thanh Chiến	4.730	2.027	
40	Võ Phương Nuôi	4.961	2.000	
41	Trần Thị Hoa	2.725	1.453	
42	Phạm Long	4.995	2.000	
43	Nguyễn Hữu Quỳnh	697	300	
44	Phan Đình Nuôi	4.949	1.876	
45	Lê Đoàn	1.663	524	
46	Nguyễn Văn Tuyến	1.850	1.556	
47	Hoàng Bảo	4.996	2.098	
48	Đoàn Xuân Sỹ	2.370	1.466	
49	Phan Thắng	2.623	1.440	
50	Đặng Tịnh	3.490	2.218	
51	Thái Văn Long	1.900	821	
52	Lê Hạnh	2.034	1.000	
53	Phạm Thị Liệu	2.173	777	
54	Đặng Văn Kỷ	4.058	1.039	
55	Võ Phương Hoàng	3.695	1.000	
56	Võ Phương Tỵ	1.500	994	
57	Lê Ngoc Viết	2.425	1.000	
58	Lưu Hùng	2.650	1.000	
59	Phạm Văn Phước	2.838	1.000	
60	Vân Lưu	900	590	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
61	Nguyễn Đình Tâm	909	500	
62	Thái Văn Đức	702		
63	Phan Thanh Điều	1.245		
64	Võ Phương Huyên	703	312	
65	Phạm Nghinh	530		
66	Phạm Tuân	2.467	659	
67	Võ Phương Quang	3.274	1.446	
68	Nguyễn Thị Liên	1.249		
69	Phạm Dũng	1.694	814	
70	Lê Văn Tần	2.648	1.022	
71	Nguyễn Văn Dũng (Hồng)	3.925	756	
72	Phạm Thị Hoa	1.887	774	
73	Đậu Văn Hiên	2.906	1.007	
74	Dương Văn Vỵ	3.690	635	
75	Phạm Thị Thân	1.174	583	
76	Lê Xuân Vinh	2.799	799	
77	Hoàng Văn Tương	1.055	747	
78	Võ Phương Kỳ	2.659		
79	Nguyễn Tình	2.753	987	
80	Trần Văn Thái	1.200		
81	Võ Quang Đường	3.254	1.400	
82	Hoàng Thắng	1.158		
83	Nguyễn Trường	1.159		
84	Lê Văn Anh (Thọ)	1.934	812	
85	Nguyễn Phi Hải	500	634	
86	Hoàng Thị Êm	1.584	205	
87	Nguyễn Chiến Thắng	2.820	829	
88	Lê Đinh Hợi (Thành)	3.129	569	
89	Lê Văn Ngọ	1.910	1.084	
90	Nguyễn Thế	1.138		
91	Hoàng Vệ	2.862	1.028	
92	Nguyễn Thị Loan	2.085	658	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
93	Thái Xuân Tịnh	4.900	1.717	
94	Đậu Hoạt	2.452	845	
95	Trần Công Chỉ	686	500	
96	Hoàng Thị Tý	2.410	864	
97	Trần Sơn	2.268	618	
98	Hoàng Thủy	4.458	1.710	
99	Dương Thành	5.133	1.142	
100	Bùi Thị Dung	1.690	300	
101	Phạm Đề	1.000	597	
102	Phạm Được (Hà)	1.176	245	
103	Dương Thị Thanh	1.529	975	
104	Phạm Diêủ	2.519	904	
105	Phạm Phúc	800		
106	Trân Thị Hương	875		
107	Hoàng Trọng Việt	960		
108	Nguyễn Thị Xuân	990		
109	Võ Duẩn	2.185	720	
110	Đậu Thắng	1.855	590	
111	Hoàng Công Lập	2.471	1.000	
112	Lê Văn Vỵ	1.000	458	
113	Nguyễn Đình Huy	2.190	1.173	
114	Nguyễn Hồng	1.516	975	
115	Nguyễn Tâm c	1.332		
116	Phạm Kỳ	2.492	1.239	
117	Nguyễn Đình Hùng	1.522		
118	Nguyễn Tý	1.649	1.000	
119	Đạu Đề	500	830	
120	Hoàng Đưc Yêm	948		
121	Đậu Văn Thọ	2.730	1.589	
122	Đậu Viết	1.719	681	
123	Hoàng Ngọc Tâm	710		
124	Đậu Văn Hạnh	1.000	519	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
125	Đậu Trọng	1.128	755	
126	Đâu Nam	1.356	703	
127	Đậu Lộc	2.999	1.000	
128	Đậu Công	1.000	789	
129	Đậu Tịnh	1.000	575	
130	Nguyễn Xuân Sơn	1.000	557	
131	Hoàng Hùng	2.415	981	
132	Nguyễn Xuân Kiều	1.000	764	
133	Hoàng Văn Thuận	2.621	1.036	
134	Đậu Giáo	4.633	2.000	
135	Hà Thi	2.128	700	
136	Nguyễn Công Ty	1.062	426	
137	Đậu Hồng Xuân	2.140	782	
138	Đậu Chương	3.689		
139	Nguyễn Tự	1.000	876	
140	Trần Dân	2.627	800	
141	Đậu Ánh	3.665	1.027	
142	Lê Thị Hương	2.440		
143	Lê Xuân Tý	3.652	1.655	
144	Nguyễn Kỳ Tám	858	500	
145	Phạm Ngọc Thạch	900	500	
146	Nguyễn Tiến Công	2.890	1.182	
147	Nguyễn Thế Từ	1.934	801	
148	Đậu Thông	4.714		
149	Bùi Quang Trụ	1.374	700	
150	Bùi Tài	2.094	702	
151	Lê Xuyên	3.980	1.986	
152	Phạm Hùng	968		
153	Nguyễn Mại	2.100	870	
154	Lê Duệ	2.310	841	
155	Hà Tôn	500	500	
156	Đậu Tiến Mại	2.116	1.000	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
157	Nguyễn Luật (Nguyễn Văn Kỷ)	3.736	2.045	
158	Đậu Cảnh	1.414		
159	Đậu Tình	2.474	680	
160	Đậu Thị Huệ	2.160	950	
161	Bùi Lự	2.605	836	
162	Nguyễn Kỳ	2.894	1.406	
163	Đậu Vĩnh	1.892	500	
164	Đậu Đức	1.059	957	
165	Đậu Chuân	3.558	1.600	
166	Phạm Nhân	2.500	931	
167	Phạm Ngọc Lộc	1.806		
168	Hoàng Thị Thành	1.730	620	
169	Lê Quyễn	1.089	639	
170	Trần Văn Nam	731	272	
171	Hoàng Trọng Oanh	3.869	1.051	
172	Đậu Huấn	1.743	807	
173	Đậu Văn Long	2.099	952	
174	Phạm Văn Đạo	1.277		
175	Thái Xuân Hóa	824		
176	Thái Thị Thanh	2.283	1.376	
177	Lê Văn Nghĩa	865	500	
178	Trần Văn Phương	1.747	896	
179	Thái Bá Thắng	800	483	
180	Trần H Hưng	700	427	
181	Hoàng Đáng	738	493	
182	Trần Văn Vũ	600	407	
183	Đâu Văn Dần	5.500	2.000	
TỔNG		**371.102**	**132.847**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TÂN DUỆ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Thắng	2.185	935,2	
2	Nguyễn Đình Phụng	665	286,1	
3	Bùi Thị Huề	1.399	599,8	
4	Bùi Văn Hợi	2.067	886,6	
5	Nguyễn Trọng Thịnh	895	382,7	
6	Nguyễn Doãn Vinh	2.626	1125,5	
7	Nguyễn Hợi	978	416,5	
8	Nguyễn Thiện	2.688	1146	
9	Trần Thị Phượng	2.684	194,5	
10	Nguyễn Doãn Quang	2.678	1148,7	
11	Bùi Đức Khoa	2.440	816	
12	Hoàng Thị Dân	3.339	1431,6	
13	Đậu Đình Đề	1.585	680,1	
14	Lê Tiến	2.360	1013,2	
15	Nguyễn Doãn Cửu	1.240	533,8	
16	Bùi Kết	1.423	611,1	
17	Dương Hữu Nậm	2.032	872,1	
18	Nguyễn Doãn Được	4.236	1.806	
19	Lê Quang Hương	1.188	510,3	
20	Trần Thị Lan	2.277	975,3	
21	Đăng Chức	2.620	551,3	
22	Phan Khắc Cảnh	2.254	965,7	
23	Nguyễn Doãn Hùng	2.527	1083,7	
24	Bùi Đình Chung	1.795	769,6	
25	Bùi Thị Xuân (Thị)	983	421,4	
26	Bùi Thủy	1.380	594,5	
27	Hồ Khắc Thạnh	3.000	1289,9	
28	Hoàng Minh Đức	2.611	1120,1	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
29	Bùi Thị Chín	1.686	723	
30	Đào Văn Lương	1.322	576,3	
31	Nguyễn Văn Chính	1.095	467,8	
32	Đặng Thị Thu	1.206	517,3	
33	Phan Thị Tuyết	2.648	1136,5	
34	Nguyễn Thị Miêng	786	340,5	
35	Lê Thanh	1.516	650,9	
36	Bùi Xuân Hùng	2.042	876,5	
37	Bùi Đức Sơn	2.582	1106,9	
38	Phan Khắc Thanh	1.259	539,6	
39	Lê Thị Ngụ	1.196	512,4	
40	Trần Thị Xuyên	1.682	721,6	
41	Phan Luyến	3.757	1610,9	
42	Nguyễn Tại	3.794	1627,7	
43	Nguyễn Trọng Luận	2.639	1130,4	
44	Dương Công Huấn	3.426	1459,8	
45	Phan Thanh	2.049	879,3	
46	Nguyễn Văn Được	2.525	1083,6	
47	Lưu Thị Huy	1.152	494,4	
48	Phạm Thị Diện	259	472,9	
49	Phạm Lục	420	177,7	
50	Nguyễn Xuân Đức	1.606	689,3	
51	Bùi Tiến	1.154	494,1	
52	Đào Xuân Hải	1.808	1526,7	
53	Phạm Lục	1.725	738	
54	Bùi Thị Hòa	2.697	1302	
55	Lê Thị Yên	3.379	1208	
56	Bùi Văn Thái	955	409,5	
57	Nguyễn Thế Vy	1.324	568,1	
58	Bùi Định	1.414	605,8	
59	Nguyễn Thị Hương	1.407	604	
60	Nguyễn Thị Nhung	2.098	899,4	
61	Trần Thị Xuân	1.382	592,6	
62	Lê Thức	2.983	1278,8	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
63	Đậu Văn Hùng	2.910	1247,2	
64	Lê Văn Toản	780	334,3	
65	Hoàng Trọng Thụ	2.656	2147,1	
66	Hoàng Trọng Bảo	1.513	647,2	
67	Nguyễn Tuấn	1.812	1782,9	
68	Nguyễn Trọng Thọ	1.850	792,7	
69	Lê Hậu	2.365	1013,9	
70	Trần Quốc Trị	1.290	567	
71	Trần Hóa	1.560	662,8	
72	Trần Văn Ninh	1.407	604	
73	Đặng Thị Huyến	2.279	978,7	
74	Trần Thị Lài	1.068	458	
75	Phan Quyền	1.300	557,4	
76	Nguyễn Duy Hưng	517	222,7	
77	Nguyễn Trọng Thành	2.500	222,7	
78	Đặng Văn Sửu	1.721	738,2	
79	Biện Nghịa	926	397	
80	Nguyễn Xuân Tý	1.786	766	
81	Trần Bình	1.065	456,9	
82	Đào Văn Nguyên	865	372,4	
83	Nguyễn Quế	1.832	791,7	
84	Phạm Khắc Ngụ	1.511	1010,3	
85	Nguyễn Đình Quyến	2.149	918	
86	Nguyễn Văn Bình	659	940,4	
87	Bùi Thị Xuân (Nại)	1.645	1706,1	
88	Ngô Thị Thành	1.584	678	
89	Lê Bá Hòe	2.075	889	
90	Nguyễn Văn Thành	1.067	458,5	
91	Nguyễn Thị Hòa	2.983,7	1278,3	
92	Lê Đình Thuận	3.246	1391,4	
93	Đào Thị Công	1.419	608,3	
94	Lê Thị Tình	1.519	652	
95	Bùi Đức Bính	5.616	2407,7	
96	Nguyễn Xuân Quý	2.289	922,9	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
97	Phan Thị Cúc	1.797	769	
98	Hồ Thiết	1.892	810,5	
99	Bùi Đức Toàn	500	214,5	
TỔNG		**187.080,9**	**82.605,3**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN QUANG TRUNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Bùi Quang Quyền		2.311	
2	Trần Quốc Trung	1.620		
3	Bùi Quang Thuần	6.000	3.258	
4	Bùi Quang Tuấn	400	1.689	
5	Bùi Thị Mùi	1.500	856	
6	Hoàng Thị Gái	993		
7	Phạm Văn Lục		10.709	
8	Nguyễn Xuân Tuấn	600	3.902	
9	Bùi Văn Quốc	1.070	1.703	
10	Nguyễn Thị Chiến	1.000	1.028	
11	Phạm Văn Quân		5.191	
12	Nguyễn Văn Sơn	1.500	1.812	
13	Lê Đình Toàn	500	2.370	
14	Nguyễn Văn Châu		2.650	
15	Nguyễn Xuân Tiến		2.730	
16	Nguyễn Thị Hương	1.330		
17	Bùi Thị Nhân	1.182		
18	Phaạm Văn Minh	604		
19	Bùi Văn Dụng	621	3.584	
20	Bùi Thị Bình		935	
21	Nguyễn Thị Bính	1.524		
22	Hoàng Thị Tịnh	2.428	2.853	
23	Trần Thị Nguyệt	500	1.461	
24	Nguyễn Văn Chúc	1.910	5.928	
25	Nguyễn Trọng Toàn	500	2.437	
26	Nguyễn Văn Huân	500	3.817	
27	Nguyễn Văn Thể		3.483	
28	Nguyễn Văn Điền	1.430	2.215	
29	Nguyễn Văn Dũng	2.684	1.724	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Nguyễn Thị Nhung	580		
31	Nguyễn Đình Khoách		993	
32	Nguyễn Trọng Hòa		3.424	
33	Nguyễn Văn Hùng (Đệ)	2.850	1.088	
34	Phạm Văn Thủy		3.933	
35	Trần Đại Lục	2.131		
36	Dương Văn Tự	1.792	1.310	
37	Nguyễn Thị Minh	376	800	
38	Lê Thị Hòa	748	3.290	
39	Nguyễn Văn Huê	500	2.785	
40	Nguyễn Thị Nguyệt	600	1.360	
41	Nguyễn Văn Ngọ	500	773	
42	Nguyễn Văn Hà		2.185	
43	Phan Văn Nguyên	**500**	837	
44	Phan Văn Hải	500	2.176	
45	Phan Thị Liên		660	
46	Nguyễn Thị Thắm	1.400	1.123	
47	Dương Thị Thắm		7.432	
48	Lê Đình Thọ	2.400	1.930	
49	Võ Thị Mại		3.566	
50	Nguyễn Thị Quý	772		
51	Hà Thị Luyện	2.570		
52	Bùi Thị Sỹ	1.580	1.247	
53	Lê Quang Hùng	1.000	2.483	
54	Lê Thị Diệu		1.753	
55	Lê Đình Tình		4.135	
56	Phan Hữu Hà	1.000	2.822	
57	Phan Khắc Diêú	300	1.525	
58	Nguyễn Thị Vân		1.833	
59	Nguyễn Văn Chương	900	3.253	
60	Hoò Trần Thoại	522	1.740	
61	Nguyễn Thị Hoa	1.000	3.100	
62	Nguyễn Xuân Thắng	500	2.594	
63	Kiều Thị Cúc		1.981	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
64	Dương Thị Tâm	3.000	1.013	
65	Đậu Đình Thông		2.433	
66	Phan Khắc Châu		1.456	
67	Phan Khắc Luận	600	3.806	
68	Phaạm Thị Bình		886	
69	Phan Hữu Bảng		8.069	
70	Nguyễn Thị Miêng		658	
71	Phan Hữu Duẩn		2.724	
72	Nguyễn Tuấn Anh		1.416	
73	Bùi Văn Vịnh		4.180	
74	Võ Tá Toán	500	1.510	
75	Dương Văn Thanh	4.000	2.938	
76	Lê Thị Sửu	270	1.020	
77	Lê Thị Phước		871	
TỔNG		**63.787**	**169.757**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TRUNG THÀNH

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Văn Lành	2.136	915	
2	Nguyễn Trọng Thành	1.594	683	
3	Lê Đình Hộ	1.812	777	
4	Lê Đình Mạnh	1.153	494	
5	Nguyễn Trọng Hương	958	410	
6	Trần Văn Anh	998	428	
7	Nguyễn Trọng Dũng	1.206	517	
8	Nguyễn Trọng Hùng	1.770	759	
9	Trần Anh Tý	2.217	736	
10	Bùi Đức Mỹ	1.752	751	
11	Lê Đình Vị	1.128	483	
12	Dương Văn Cảnh	1.833	786	
13	Bùi Quang Phong	1.723	739	
14	Lê Hoồng Thắng	2.315	992	
15	Lê Đình Dũng	1.935	829	
16	Nguyễn Trọng Hóa	1.080	463	
17	Nguyễn Thị Huê	700	300	
18	Hồ Văn Quý	1.980	687	
19	Phạm Văn Lành	1.961	841	
20	Nguyễn Thị Thân	2.293	983	
21	Nguyễn Trọng Vịnh	1.776	761	
22	Dương Thị Minh	700	300	
23	Lê Ngọc Hải	1.818	779	
24	Nguyễn Thị Công	1.928	826	
25	Phạm Thị Hòa	2.012	862	
26	Nguyễn Trọng Hòa	1.309	561	
27	Bùi Văn Hành	3.205	1.374	
28	Dương Hữu Lý	1.944	833	
29	Nguyễn Thị Ty	1.463	627	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Nguyễn Đình Trình	1.071	459	
31	Nguyễn Văn Triều	2.073	678	
32	Nguyễn Trọng Vinh	1.411	605	
33	Nguyễn Thị Hòe	2.680	1.149	
34	Trần Văn Anh	1.563	670	
35	Trần Thị Tịnh	1.617	693	
36	Nguyễn Văn Thành	1.890	810	
37	Nguyễn Trọng Hợi	910	390	
38	Trần Văn Bình	1.596	684	
39	Nguyễn Thị Thủy	1.124	482	
40	Nguyễn Văn Thân	1.964	842	
41	Lê Đình Ngọ	732	314	
42	Nguyễn Thị Minh B	1.120	480	
43	Nguyễn Đức Phượng	1.166	500	
44	Nguyễn Thị Thảo	697	299	
45	Nguyễn Trọng Hợi	1.695	727	
46	Nguyễn Trọng Sơn	767	329	
47	Lê Đình Sữu	1.227	526	
48	Lê Đình Phận	1.224	525	
49	Bùi Thị Tâm	2.205	945	
50	Bùi Quang Hải	1.047	449	
51	Hoồ Thị Lân	1.047	449	
52	Nguyễn Trọng Lập	1.510	419	
53	Hồ Văn Thuật	1.151	493	
54	Hồ Văn Chiến	939	403	
55	Lê Đình Cường	2.387	1.023	
56	Nguyễn Trọng Giáp	2.228	955	
57	Lê Thị Vân	975	418	
58	Lê Đình Bái	1.298	556	
59	Nguyễn Văn Sỹ	734	315	
60	Phan Thị Lý	1.121	480	
61	Nguyễn Văn Dần	1.400	631	
62	Võ Hữu Cẩm	2.983	1.278	
63	Nguyễn Văn Hường	2.788	1.216	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
64	Nguyễn Trọng Quyết	999	428	
65	Nguyễn Trọng Dũng	880	381	
66	Bùi Đức Thìn	1.497	642	
67	Lê Đình Dần	608	261	
68	Nguyễn Văn Minh	293	125	
69	Nguyễn Thị Thắng	475	204	
70	Nguyễn Trọng Thắng	2.466	1.057	
71	Phạm Ngọc Hạnh	304	131	
72	Trần Văn Định	370	159	
73	Nguyễn Trọng Chiến	769	329	
74	Nguyễn Trọng Được	2.136	916	
75	Hoàng Thị Diên	1.454	623	
76	Nguyễn Văn Hà	1.034	443	
77	Nguyễn Trọng Xuân	1.739	745	
78	Lê Văn Chiến	1.877	805	
79	Hoàng Thị Miên	2.500	1.071	
80	Bùi Quang Du	1.057	453	
81	Nguyễn Trọng Phồn	2.417	920	
82	Bùi Đức Tam	2.459	1.054	
83	Nguyễn Trọng Lai	3.289	1.410	
84	Lê Thị Cầu	739	317	
85	Dương Thị Châu	2.075	889	
86	Dương Hữu Vinh	2.817	1.207	
87	Nguyễn Trọng Thực	1.767	750	
88	Nguyễn Trọng Minh	1.009	343	
89	Đỗ Thị Định	500	-	
90	Trần Văn Đoàn	4.326	1.854	
91	Trần Văn Điều	1.493	640	
92	Lê Thị Hỡi	2.117	907	
93	Võ Thị Loan	1.885	808	
94	Bùi Thị Châu	1.282	549	
95	Nguyễn Thị Thắng	1.543	661	
96	Võ Tá Thuyết	1.959	800	
97	Lê Đình Tường	3.525	1.511	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
98	Nguyễn Văn Chiến	1.942	832	
99	Nguyễn Trọng Thìn	498	214	
100	Bùi Đức Toàn	2.938	1.259	
101	Hoàng Kim Tương	1.437	616	
102	Nguyễn Trọng Định	2.136	916	
103	Bùi Văn Đuyến	2.398	1.028	
104	Lê Đình Bình	1.117	479	
105	Phạm Danh Phương	2.107	930	
106	Phạm Thị Xuân	2.212	948	
107	Bùi Thị Thuận	1.313	563	
108	Nguyễn Văn Hóa	1.293	554	
109	Nguyễn Văn Lục	1.691	725	
110	Vương Thị Minh	2.085	894	
111	Nguyễn Xuân Tữu	2.885	1.236	
112	Nguyễn Tiến Thành	1.156	496	
113	Lê Ngọc Lợi	2.756	1.182	
114	Nguyễn Trọng Nga	954	409	
115	Nguyễn Văn Vượng	1.974	684	
116	Bùi Đức Hậu	998	428	
117	Nguyễn Trọng Anh	1.911	819	
118	Lê Ngọc Toản	1.163	713	
119	Hồ Văn Hóa	1.922	824	
120	Nguyễn Trọng Vĩ	3.688	1.580	
121	Nguyễn Trọng Tý	2.910	1.248	
122	Trần Thị Phượng	1.507	646	
123	Nguyễn Trọng Lý	2.640	1.131	
124	Nguyễn Thị Thanh	3.779	1.620	
125	Nguyễn Trọng Thành	700	300	
126	Nguyễn Trọng Trung	1.481	635	
127	Bùi Văn Toàn	1.358	582	
128	Nguyễn Thị Hồng	1.890	810	
129	Nguyễn Tuyến	500		
130	Kiều Thị Cúc	500		
131	Nguyễn Trọng Từ	1.294	554	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
132	Nguyễn Trọng Hoà	1.163	499	
133	Nguyễn Thị Hà	430	184	
134	Lê Thị Châu	700	300	
135	Lê Đình Thanh	581	249	
136	Dương Phương	700	300	
137	Đặng Thị Mai	2.241	961	
138	Trần Văn Thiên	1.868	800	
139	Lê Đình Hường	2.852	1.222	
140	Trần Anh Tần	4.204	1.801	
141	Lê Hồng Thỏa	2.023	1.092	
TỔNG		**232.594**	**98.344**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN ÁI QUỐC

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Hùng	1.849	400	
2	Hồ Toản	3.000	1.000	
3	Lê Đình Thiết	2.060	1.000	
4	Hồ Thực	1.000	495	
5	Thái Thị Vân	636		
6	Bùi Cường	7.500	1.000	
7	Lê Thông	1.200	800	
8	Lê Đình Vân	5.000	858	
9	Nguyễn Xuân Lĩnh	2.000	1.003	
10	Nguyễn Văn Bình	1.587	600	
11	Nguyễn Dũng	5.000	1.017	
12	Nguyễn Xuân Hải	1.400	422	
13	Dương Công Khoa	758	300	
14	Dư Thanh Hoài	800	413	
15	Nguyễn Hưng	2.484	800	
16	Trần Văn Hùng	1.438	700	
17	Lê Đình Quân	2.500	1.035	
18	Lê Đình Hóa	1.000	392	
19	Bùi Quang Nghị	2.387	800	
20	Trần Tiến	2.307	800	
21	Lê Bá Cường	3.500	1.204	
22	Nguyễn Văn Khuyến	4.000	700	
23	Dương Hữu Mường	972	1.678	
24	Nguyễn Tường	2.857	1.000	
25	Lê Văn Minh (Lê Quang Tuấn làm)	1.000	762	
26	Võ Thị Tâm	2.200	1.095	
27	Lê Đình Hiệp	2.047	440	
28	Bùi Quang Thuật	2.076	976	
29	Dương Hương	1.730	1.000	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
30	Dương Văn Lai	3.175	800	
31	Hà Quynh	1.000	785	
32	Hà Hùng		835	
33	Nguyễn Văn Bé	2.028	900	
34	Bùi Quang Luân	2.400	484	
35	Hà Huy Lục	1.900	1.083	
36	Nguyễn Thị Lục	2.000	375	
37	Nguyễn Vinh	800	530	
38	Phan Quyết	3.457	1.000	
39	Trần Văn Lưu	1.210	1.100	
40	Phan Xơng		537	
41	Dương Xuân	1.100		
42	Dương Đại Thanh	500	925	
43	Võ Thị Xuân		935	
44	Võ Thị Loan		665	
45	Nguyễn Thị Thanh	608		
46	Bùi Dũng	1.000	718	
47	Nguyễn Thị Oanh	1.000	453	
48	Bùi Văn Lộc (thường gọi Bùi Việt)	500	600	
49	Bùi Quang Nghĩa	1.400	595	
50	Trần Tiến Đạt	2.400	700	
51	Dương Minh Thủy	1.893	2.000	
52	Dương Công Văn	1.000	2.415	
53	Dư Văn Hợp		533	
54	Dư Tiến	2.000	472	
55	Lê Thị Mạo	2.000	689	
56	Trần Thị Minh	500	682	
57	Nguyễn Văn Phương	1.300	600	
58	Lê Văn Lục	2.974	1.160	
59	Bùi Quang Hùng	3.500	1.060	
60	Bùi Quang Luyến	2.000	912	
61	Bùi Tiến Sửu	3.000	1.151	
62	Trần Xuân Liên	2.000	1.500	
63	Hoàng Mạo	2.458	1.300	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
64	Dương Phúc	1.500	2.750	
65	Nguyễn Thị Xuân	1.000	630	
66	Trần Thị Cương	1.000	214	
67	Lê Thị Minh		793	
68	Lê Đình Thắng	2.000	1.305	
69	Lê Đình Dân	600	506	
70	Lê Đình Thuật	1.021	1.300	
71	Nguyễn Trọng Quế	2.011	1.000	
72	Nguyễn Trọng Hóa	1.900	1.063	
73	Nguyễn Hương	2.000	941	
74	Nguyễn Trọng Lợi	2.000	835	
75	Dương Hòa	1.000	1.021	
76	Dương Quang	1.000	364	
77	Lê Đình Tuân	1.000	447	
78	Lê Đình Dũng	1.125	1.000	
79	Lê Đình Chúc	2.700	1.040	
80	Lê Bá Huân	2.000	1.031	
81	Bùi Đình Vân	1.000	1.751	
82	Dương Ngọc Hương	957	612	
83	Lê Quang Tuấn	2.983	1.000	
84	Lê Thạo	1.000	400	
85	Nguyễn Xuân Lựu	2.581	1.893	
86	Lê Sỹ Ngộ	500	416	
87	Dương Hữu Bình	1.000	612	
88	Nguyễn Thị Diệu	1.100	1.000	
89	Nguyễn Trọng Vỵ	2.600	1.099	
90	Dương Ngọc Thanh	1.500	645	
91	Nguyễn Văn Mạo	1.400	1.027	
92	Nguyễn Xuân Ngọ (thường gọi Nguyễn Nghinh)	2.000	1.168	
93	Hoàng Thị Hoan	619	400	
94	Lê Cảnh	3.102	1.000	
95	Dương Chung	1.000	870	
96	Lê Đình Thống	3.600	400	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
97	Nguyễn Văn Tài	2.400	1.059	
98	Nguyễn Thị Hương Lan	500	467	
99	Lê Quát	2.795	1.706	
100	Nguyễn Ánh	300	374	
101	Nguyễn Thị Thắng	200	943	
102	Lê Bá Kiên	1.000	496	
103	Hồ Luận	673	300	
104	Trần Văn Minh	2.000	506	
105	Lê Đình Tân	2.000	464	
106	Dương Hữu Định	533		
107	Dư Thị Oanh	500		
108	Lê Thị Chương		670	
109	Dương Thị Hiếu	1.020		
110	Nguyễn Thị Hoa (Lãm)	600	400	
	Tổng cộng	**182.711**	**89.102**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN PHÚ THƯỢNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Dương Hữu Đàn	709	1.000	
2	Phan Thị Thú	970,8		
3	Nguyễn Văn Minh	4.700		
4	Lê Quang Dung	2.623		
5	Hà Huy Khuyến	2.047		
6	Hà Huy Kiều	500		
7	Đinh Văn Hùng	462		
8	Hà Thị Tú	1.134		
9	Phan Văn Tuấn	1.000		
10	Nguyễn Chiến Công (Hội CCBinh)	2.000		
11	Lê Đình Dũng (Hội Nông dân)	2.000		
12	Lê Thị Tuyết	2.053		
13	Lê Duy Thông	2.236	933	
14	Hà Huy Vũ(Mai)	1.000		
15	Lê Đình Quân	2.500		
16	Bùi Văn Luân	3.176		
17	Bùi Văn Nông	990		
18	Lê Văn Dương	2.377		
19	Dương Xuân Cường	3.407		
20	Dương Tuần	5.217		
21	Dương Văn Lê	1.370	1.000	
22	Dương Hữu Tý	1.834		
23	Dương Văn Lai	2.043		
24	Đặng Thị Hợi	1.280		
25	Hà Huy Hậu	2.354		
26	Bùi Văn Phương	1.500		
27	Lê Đình Vượng	1.500	2.000	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
28	Lê Đình Châu	1.500		
29	Hà Huy Lương	1.448		
30	Hà Huy Nhuần	1.974		
31	Lưu Thị Bình	3.000		
32	Hà Thị Lý	2.073		
33	Hà Huy Sửu	3.161		
34	Lê Thị Dung	2.474		
35	Hà Huy Toàn	1.286	1.000	
36	Hà Huy Trọng	4.774		
37	Hà Văn Đại	1.466		
38	Hà Huy Thắng	1.741		
39	Hà Văn Lư	2.633		
40	Lê Văn Bình	1.957		
41	Lê Đình Học	998		
42	Nguyễn Trọng Thuyết		1.144	
43	Nguyễn Văn Tuấn	1.508		
44	Bùi Thị Hiền	3.476		
45	Nguyễn Văn Luận	1.463	500	
46	Nguyễn Xuân Tích	3.806		
47	Nguyễn Xuân Chinh	4.973		
48	Nguyễn Văn Việt	2.256		
49	Lê Xuân Hùng	1.481		
50	Phạm Văn Nhung	1.130		
51	Phan Văn Chiến	1.580	1.000	
52	Phan Sỹ Dũng	2.707		
53	Lê Đình Huỳnh	1.559		
54	Phan Văn Lịch	2.605		
55	Trần Thị Hường	1.500		
56	Phan Văn Nghiêm	3.360		
57	Nguyễn Thị Khoan	654	1.000	
58	Phan Văn Hữu	2.427		
59	Dương Thị Tuyết	500		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
60	Võ Thị Phương	970		
61	Phan Văn Trung	934		
62	Phan Thanh Quýnh	2.890		
63	Hoàng Quang Bình	1.005		
64	Trần Thị Vịnh	500		
65	Lê Thị Khuyên	1.000		
66	Phan Thị Tình	1.768		
67	Lê Đình Hùng	681	1.500	
68	Phạm Dũng	1.500		
69	Hà Thị Hương	1.500		
70	Lê Đình Tài	1.634		
71	Trương Thị Thục	3.077		
72	Lê Duy Lý	1.683		
73	Nguyễn Quốc Thu	2.137		
74	Nguyễn Thị Thìn	1.000		
75	Lê Đình Báu	1.627		
76	Hà Huy Chất		2.855	
77	Hà Thị Bình	823		
78	Trần Thị Thuần	1.500		
79	Nguyễn Thị Lý	670		
80	Lê Đình Nghĩa	1.486		
81	Lê Đình Minh	2.000	1.500	
82	Trương Quốc Thành	1.550		
83	Lê Đình Thế	2.770		
84	Lê Đình Thịnh	4.977		
85	Bùi Thị Lan		995	
86	Lê Quang Châu	2.154		
87	Hồ Thị Thùy	4.181		
88	Lê Quang Hòa	1.498		
89	Hà Thị Thuyết	1.500		
90	Lê Thị Ngọ	520		
91	Lê Thị Nhân	3.572		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
92	Lê Đình Tâm	1.077		
93	Bùi Thị Hội	920		
94	Nguyễn Xuân Thắng		2.168	
95	Lê Thị Vỵ	529		
96	Phan Văn Kiên	2.271		
97	Phan Văn Thắng	492		
98	Trần Thị Thanh	2.257		
99	Hà Huy Vủ (Thùy)	900		
100	Lê Văn Hiền	2.503		
101	Lê Văn Tiệc	2.861		
102	Lê Văn Thắng	1.338		
103	Nguyễn Chiến Công	2.107		
104	Nguyễn Hiếu		1.249	
105	Trần Thị Hoa	1.496		
106	Phan Thanh Phương	1.290	500	
107	Nguyễn Thị Xuân(K)	997		
108	Bùi Thị Huệ	1.469		
109	Nguyễn Đình Trường	1.310		
TỔNG		**197.376,8**	**20.344,0**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TRẦN PHÚ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Bùi Văn Dũng	2.241	961	
2	Bùi Đình Long	3.861	1.655	
3	Bùi Đình Minh	1.840	789	
4	Bùi Thị Thu Thuỷ (Kỳ)	736	315	
5	Đặng Văn Hoàng	1.388	595	
6	Đặng Thị Lĩnh	2.275	975	
7	Đinh Thị Hương	3.255	1.395	
8	Dư Mại	1.700	729	
9	Dương Hùng	2.688	1.152	
10	Dương Chức	3.506	1.502	
11	Dương Công Vũ	1.961	840	
12	Dương Hữu Tá	1.018	436	
13	Dương Hữu Trọng	1.805	774	
14	Dương Khiêm	2.391	1.025	
15	Dương Minh Long	2.176	932	
16	Dương Thị Bình	1.324	567	
17	Dương Thị Canh	1.187	509	
18	Nguyễn Thị Hoàn	867	372	
19	Dương Văn Phú	2.267	972	
20	Dương Hữu Thân	1.558	668	
21	Hà Huy Chung	3.787	1.623	
22	Hà Huy Hùng	2.130	913	
23	Đặng Thị Tùng	1.543	661	
24	Hà Huy Mạnh	2.159	925	
25	Hà Huy Quế	3.693	1.583	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
26	Hà Huy Sơn	3.287	1.409	
27	Nguyễn Thị Phượng	736	315	
28	Hà Huy Thành	501	215	
29	Nguyễn Thị Vinh	2.362	1.012	
30	Hà Huy Vinh	1.757	753	
31	Hồ Văn Hiền	765	328	
32	Hồ Xuân Thuần	1.019	437	
33	Lê Thị Hiển	3.003	1.287	
34	Hồ Văn Khởi	1.636	701	
35	Hồ Văn Tám	1.159	497	
36	Hồ Văn Huân	608	260	
37	Hồ Văn Ký	2.414	1.035	
38	Hồ Văn Long	1.273	546	
39	Hồ Văn Phấn	2.534	1.086	
40	Hồ Văn Thành	1.757	753	
41	Hồ Văn Tính	3.399	1.457	
42	Hoàng Đình Bình	1.394	598	
43	Hoàng Đình Khôi	1.972	845	
44	Hoàng Đình Phong	1.418	608	
45	Hoàng Đình Thanh	3.450	1.479	
46	Hoàng Đình Chiến	2.109	904	
47	Lưu Thị Tâm	1.457	625	
48	Hoàng Đình Mạo	3.696	1.584	
49	Hoàng Đình Ngụ	1.103	473	
50	Hoàng Đình Phúc	2.198	942	
51	Hoàng Đình Quán	3.485	1.493	
52	Hoàng Đình Tâm	1.744	747	
53	Hoàng Đình Tố	2.040	874	
54	Hoàng Đình Tường	1.852	794	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
55	Nguyễn Thị Ngụ	1.281	549	
56	Lê Văn Kiều	3.102	1.330	
57	Lê Văn Nghị	2.137	916	
58	Lê Văn Tiến	1.985	851	
59	Lê Thị Hoa	2.297	985	
60	Lê Công Khiêm	2.868	1.229	
61	Lê Công Trứ	2.248	963	
62	Lê Đình Thông	2.394	1.026	
63	Nguyễn Thị Hường (Thế)	695	298	
64	Hà Huy Trung	445	191	
65	Lê Thị Thể	956	410	
66	Lê Thị Tường	1.161	498	
67	Lê Thị Diệu	3.148	1.349	
68	Lê Văn Nậy	373	160	
69	Lê Văn Thành	4.085	1.751	
70	Lê Văn Thìn	1.481	635	
71	Lê Văn Tình	727	311	
72	Nguyễn An	3.639	1.559	
73	Lê Thị Chắt	2.802	1.201	
74	Nguyễn Văn Cường (Mai)	2.826	1.211	
75	Nguyễn Văn Cường (Lan)	3.021	1.295	
76	Nguyễn Hữu Dũng	3.508	1.503	
77	Nguyễn Văn Định	1.966	843	
78	Nguyễn Văn Được	1.580	677	
79	Nguyễn Hữu Đệ	1.114	477	
80	Nguyễn Kỹ	2.204	945	
81	Nguyễn Xuân Long	2.706	1.160	
82	Dương Thị Lịnh	1.215	521	
83	Nguyễn Văn Lượng	1.967	843	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
84	Nguyễn Huy Lượng	894	383	
85	Dương Thị Thành	2.809	1.204	
86	Nguyễn Văn Lý	3.157	1.353	
87	Nguyễn Viết Lý	1.917	822	
88	Nguyễn Huy Huân	395	169	
89	Nguyễn Thị Hường(m)	1.846	791	
90	Nguyễn Văn Hà	3.614	1.549	
91	Nguyễn Văn Hải	1.648	706	
92	Thái Thị Vinh	314	134	
93	Nguyễn Văn Hợi	3.023	1.295	
94	Nguyễn Văn Huân	2.318	993	
95	Nguyễn Văn Hùng	1.536	658	
96	Nguyễn Văn Hưng	2.871	1.231	
97	Nguyễn Hữu Thắng	357	153	
98	Nguyễn Hữu Trung	3.340	1.432	
99	Nguyễn Huy Tá	2.974	1.274	
100	Nguyễn Huy Tiệp	1.875	803	
101	Nguyễn Huy Tiếu	635	272	
102	Nguyễn Văn Tuyển	2.091	896	
103	Nguyễn Văn Thành	1.127	483	
104	Nguyễn Văn Thông	3.776	1.618	
105	Nguyễn Văn Trọng	2.391	1.025	
106	Nguyễn Huy Mậu	1.160	497	
107	Nguyễn Văn Chu	2.486	1.066	
108	Nguyễn Văn Minh	1.778	762	
109	Nguyễn Văn Quang	1.801	772	
110	Nguyễn Văn Sâm	1.425	611	
111	Nguyễn Văn Sơn	952	408	
112	Nguyễn Văn Sửu	2.606	1.117	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
113	Nguyễn Văn Út	605	259	
114	Nguyễn Văn Xuân	2.050	878	
115	Nguyễn Văn Long	230	99	
116	Nguyễn Thị Hường(T)	1.728	740	
117	Phan Thanh Dũng	2.577	1.105	
118	Phan Thị Hà	1.612	691	
119	Phan Thị Thuỷ	1.197	513	
120	Phan Thị Thuyết	432	185	
121	Phan Văn Đỉnh	1.738	745	
122	Phan Văn Thanh	1.123	481	
123	Phan Văn Trí	2.516	1.078	
124	Thái Văn Học	2.711	1.162	
125	Trần Lê	2.784	1.193	
126	Nguyễn Văn Việt	1.023	438	
127	Trịnh Văn Định	4.841	2.075	
128	Vũ Đình Nam	3.321	1.423	
129	Vũ Đình Phúc	298	128	
130	Hà Thị Nhung	744	319	
131	Nguyễn Văn Kiên	641	275	
132	Hà Văn Vĩnh	1.992	854	
133	Trịnh Văn Đức	689	295	
134	Hà Huy Tiến	977	419	
135	Hà Huy Danh	1.268	544	
136	Hoàng Thế Anh	563	241	
137	Nguyễn Huy Thuật	637	273	
138	Lê Văn Quân	1.856	796	
139	Nguyễn Đình Anh	588	252	
140	Hồ Thị Thìn (Mạo)	1.329	569	
141	Phạm Thị Thanh (Phụ nữ)	723	310	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
142	Nguyễn Văn Việt	208	89	
143	Nguyễn Văn Cường (m)	173	74	
144	Hoàng Đình Sáng	175	75	
145	Hà Huy Trung	175	75	
146	Nguyễn Chí Nhân	280	120	
147	Nguyễn Thị Phượng	523	224	
148	Hà Huy Vĩnh	193	82	
149	Nguyễn Văn Cường (L)	1.226	525	
150	Nguyễn Văn Hà	175	75	
	TỔNG	**272.452**	**116.768**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN THỐNG NHẤT

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Văn Thuyết	2.581	930	
2	Hà Khắc Dư	1.800	649	
3	Trần Đình Dũng	1.920	692	
4	Cáp Xuân Lý	798	288	
5	Trần Đình Hùng	2.520	908	
6	Nguyễn Văn Tri	3.265	1.176	
7	Trần Văn Hải	2.465	888	
8	Võ Tá Thanh	2.899	1.044	
9	Dương Trọng	1.648	593	
10	Bùi Văn Bình	2.855	1.029	
11	Bùi Văn Luân	2.642	952	
12	Bùi Thị Bình	665	240	
13	Bùi Văn Dũng	1.693	610	
14	Bùi Văn Hải	1.684	606	
15	Trần Phú	3.084	1.111	
16	Võ Tá Dũng	2.600	936	
17	Nguyễn Thị Trang	2.034	733	
18	Trần Văn Bính	1.169	421	
19	Nguyễn Thị Thảo	759	273	
20	Lê Thị Lương	4.185	1.508	
21	Bùi Thị Nghiêm	707	255	
22	Võ Tá Đồng	1.109	400	
23	Trần Thị Loan (Dũng)	1.862	671	
24	Dương Thị Thu	1.024	369	
25	Bùi Văn Nhuần	1.178	424	
26	Đậu Thị Luyến	1.138	410	
27	Dương Thị Dung	2.988	1.077	
28	Nguyễn Trọng Hòa	7.341	2.644	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
29	Dương Thị Tuyết	3.800	1.369	
30	Trần Thị Thành	1.684	606	
31	Phan Văn Mạnh	712	257	
32	Trần Văn Hữu	1.075	387	
33	Dương Thị Quang	1.178	426	
34	Lê Thị Mậu	1.406	506	
35	Nguyễn Thị Tuyến	2.466	1.056	
36	Võ Tá Thắng	1.800	649	
37	Trần Thị Văn	4.507	1.623	
38	Đặng Thị Tuyết	4.030	1.727	
39	Cáp Xuân Quảng	2.421	872	
40	Bùi Văn Nghĩa	1.324	477	
41	Bùi Thị Lan	2.323	837	
42	Trần Văn Vị	2.829	1.019	
43	Nguyễn Văn Huân	1.836	662	
44	Trần Đình Dần	2.264	816	
45	Võ Tá Thơ	954	343	
46	Võ Thị Xuân	2.232	804	
47	Trần Văn Trọng	2.104	758	
48	Lê Văn Duẩn	1.146	413	
49	Bùi Thị Hồng	2.277	820	
50	Bùi Văn Thành	2.153	775	
51	Bùi Văn Anh	2.615	942	
52	Võ Tá Lĩnh	2.474	891	
53	Lê Văn Khánh	918	331	
54	Nguyễn Thị Tương	5.645	2.033	
55	Lê Văn Hải	1.532	656	
56	Bùi Văn Trọng	3.111	1.121	
57	Nguyễn Thị Diện	2.661	958	
58	Hồ Văn Dân	3.952	1.423	
59	Trần Thị Vinh	372	134	
60	Trần Văn Thành	2.490	897	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
61	Bùi Văn Trường	4.316	1.555	
62	Nguyễn Thị Lâm	2.361	850	
63	Bùi Thị Tam	609	219	
64	Trần Đình Cảnh	476	172	
65	Trần Xuân Lộc	704	253	
66	Trần Đình Ngọ	2.361	850	
67	Dương Thị Cúc	1.922	692	
68	Bùi Văn Thanh	4.373	1.575	
69	Cáp Xuân Hải	3.773	1.359	
70	Trần Văn Tú	2.342	843	
71	Nguyễn Chút	1.262	454	
72	Bùi Văn Tuyên	2.305	831	
73	Nguyễn Xuân Mạo	711	256	
74	Trần Văn Sỹ	3.855	1.389	
75	Bùi Đình Nhung	2.064	743	
76	Trương Thị Mại	967	348	
77	Bùi Văn Hóa	4.251	1.531	
78	Bùi Văn Thọ	4.155	451	
79	Trần Văn Tường	2.833	1.020	
80	Trần Văn Hải	4.493	1.619	
81	Phan Văn Lý	971	350	
82	Trần Thị Vinh H	2.227	802	
83	Bùi Văn Thống	2.343	844	
84	Tôn Đức Thái	3.499	1.261	
85	Đặng Bá Vỵ	1.531	552	
86	Bùi Văn Hòa V	1.531	552	
87	Phạm An	973	351	
88	Bùi Đức Hưng	853	307	
89	Bùi Đức Thành L	851	307	
90	Bùi Đức Trang	3.301	1.189	
91	Trần Thị Thuận	531	191	
92	Lê Vĩnh Vinh	4.771	1.719	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
93	Đặng Bá Từ	1.999	720	
94	Bùi Đình Dân	2.702	974	
95	Nguyễn Thị Cẩm	3.835	1.382	
96	Bùi Văn Hợi	3.317	1.195	
97	Nguyễn Doãn Danh	4.906	1.767	
98	Bùi Văn Sơn X	2.013	863	
99	Bùi Thị Hạnh	4.052	1.460	
100	Đặng Bá Hồng	7.884	2.840	
101	Cáp Xuân Hà	4.192	1.510	
102	Bùi Văn Cường	3.054	1.100	
103	Võ Tá Hoan	1.976	712	
104	Bùi Văn Vĩnh	2.569	926	
105	Đặng Khoa	3.871	1.395	
106	Trần Văn Phương	2.145	773	
107	Trần Văn Tý	1.075	387	
108	Bùi Văn Lý	3.207	1.155	
109	Bùi Thị Mai	685	253	
110	Bùi Văn Hường	1.034	373	
111	Võ Tá Hân	130	50	
112	Bùi Văn Thành T	1.698	612	
113	Bùi Văn Bình V	2.930	1.056	
114	Bùi Văn Bình D	1.413	509	
115	Bùi Văn Thành V	945	405	
116	Bùi Văn Hòa	856	308	
117	Bùi Văn Chức	1.095	394	
118	Đậu Thị Lĩnh	685	253	
119	Bùi Văn Thìn	3.161	1.139	
120	Bùi Văn Tình	2.542	1.090	
121	Bùi Thị Thành	537	199	
122	Bùi Văn Ký	1.154	416	
123	Bùi Văn Phiên	1.395	503	
124	Bùi Văn Sinh	2.457	885	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
125	Bùi Văn Huấn	1.403	602	
126	Bùi Đức Thọ	2.940	1.059	
127	Bùi Văn Nhất	595	214	
128	Nguyễn Huy Châu	4.782	1.723	
129	Bùi Đức Được	1.995	718	
130	Bùi Đức Tiến	2.638	950	
131	Bùi Thị Huấn	397	143	
132	Bùi Đức Viện	2.553	920	
133	Phan Thành	3.591	1.294	
134	Đặng Thành	2.575	927	
135	Bùi Thị Nguyệt	1.258	453	
136	Bùi Đức Dân	3.415	1.230	
137	Đặng Sửu	1.855	668	
138	Bùi Văn Hợi	2.034	733	
139	Bùi Văn Hùng T	2.491	897	
140	Đặng Thuật	3.667	1.321	
141	Trần Thị Phước	3.931	1.416	
142	Trần Toản	3.499	1.261	
143	Bùi Đức Việt	4.291	1.546	
144	Bùi Văn Hải	2.850	1.027	
145	Trần Bính H	1.418	511	
146	Đặng Kỷ	4.376	1.576	
147	Bùi Tường Nga	6.971	2.511	
148	Bùi Sơn N	5.185	1.868	
149	Trần Văn Tuấn	4.127	1.486	
150	Nguyễn Tâm	294	106	
151	Nguyễn Doãn Sinh	4.460	1.607	
152	Nguyễn Tiến Lương	3.535	1.274	
153	Bùi Đình Nghị	2.623	945	
154	Trần Đình Thuận	3.176	1.144	
155	Trần Văn Minh	4.609	1.660	
156	Bùi Xuân Dũng	1.632	588	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
157	Trần Tuấn Quyên	1.052	379	
158	Bùi Văn Hữu	1.867	673	
159	Trần Quốc Tuấn T	2.238	806	
TỔNG		**382.256**	**137.700**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN QUỐC TIẾN

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Võ Thị Thanh	595	1.296	
2	Phan Thanh Ngộ	3.275,5	500	
3	Lê Đình Duyệt	4.800	1.324	
4	Nguyễn Vinh	2.000	915,4	
5	Nguyễn Quang Hỡi	300	2.308,8	
6	Nguyễn Quốc Tuấn	1.715	1.596,2	
7	Nguyễn Sỹ Quyến	1.377,1		
8	Trần Văn Hoàn		2.592	
9	Nguyễn Hữu Phú	2.630	2.412,5	
10	Bùi Đình Văn	740	2.582,1	
11	Bùi Đình Hòa	971		
12	Nguyễn Văn Thường	3.000	5.290,3	
13	Trần Lộc			
14	Nguyễn Văn Bình	3.000	500	
15	Dương Ngọc Tường	500	3.884,1	
16	Nguyễn Thị Thuần	500	3.380	
17	Bùi Đức Thành	500	1.759,4	
18	Trần Văn Lệnh	4.569,4	2.446	
19	Nguyễn Trị (Hòa)	320	2.393,3	
20	Phạm Văn Quân			
21	Nguyễn Trọng Đạt	1.600	1.908	
22	Lê Thị Cúc	1.600	2.803,7	
23	Nguyễn Văn Khoa	2.150	547,2	
24	Phạm Văn Tuyên		1.366,9	
25	Nguyễn Văn Phượng	4.180,4		
26	Phạm Văn Minh		1.684	
27	Dương Thức	849,5		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
28	Nguyễn Văn Dũng	600	1.757,5	
29	Trương Văn Bình (Anh)	1.500	2.552,1	
30	Trần Thị Phong	850	228,3	
31	Trần Vĩnh Thắng	992,6		
32	Dương Xuân Hợi	1.170	833,1	
33	Nguyễn Thị Văn	1.429,2		
34	Đậu Đình Phú	5.230,6	558	
35	Lê Sỹ Cư			
36	Hà Văn Minh	2.500	4.524,4	
37	Lê Sỹ Tâm		2.404,0	
38	Trần Xuân Long	1.270,9		
39	Trần Vĩnh Phú	1.600	741,8	
40	Nguyễn Thị Bảy			
41	Đậu Tuyến			
42	Trần Công Đào	1.280	5.405,9	
43	Lê Thị Huyền	560	834	
44	Trương Văn Chung	2.000		
45	Võ Tá Ngọ	1.194	570,8	
46	Trương Thị Liên		1.748,4	
47	Phạm Thị Hoa	342,1	886,7	
48	Phan Văn Dũng	1.200	133,2	
49	Bùi Đức Dũng	4.708,6	2.634,3	
50	Phạm Thị Vân	3.869,6	2.425,5	
51	Trương Văn Thắng			
52	Nguyễn Xuân Trình	1.500	2.821,5	
53	Bùi Thị Hoa (Phú)	1.995,7	4.429,2	
54	Trương Huy Minh	1.558,6	4.746,1	
55	Bùi Đức Mến	819,3	285,8	
56	Trương Văn Lộc	1.505,50	1.034,4	
57	Phạm Văn Trí	1.443	694,8	
58	Bùi Đức Hải	1.895,8	1.417,6	
59	Trương Tiến	1.364	3.379,7	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
60	Bùi Đức Ân	1.000	3.456,3	
61	Bùi Đức Chiến	2.300	3.426,3	
62	Bùi Đức Thành	1.800	1.156,1	
63	Trương Xuân Hậu	600	2.076,5	
64	Bùi Đức Nguyên	1.000	904,8	
65	Võ Thị Hợp			
66	Võ Tá Hà	2.470	1.166,4	
67	Hà Văn Thuyết	1.550	2.525,0	
68	Võ Tá Trọng	642,5		
69	Võ Thị Nhàn	800	1.675,5	
70	Dương Quốc Tuấn	1.500	3.110,3	
71	Nguyễn Trọng Dũng	2.916,8	2.604,7	
72	Trần Thị Vinh	1.000	1.623	
73	Dương Văn Tài	500	284,4	
74	Võ Tá Phương	2.500	2.781,5	
75	Bùi Đức Nghĩa	500	3.400,3	
76	Dương Ngọc Ái	1.500	1.309,8	
77	Nguyễn Thị Lương	1.339		
78	Nguyễn Trọng Đề	3.800	752,0	
79	Võ Tá Triều	1.375,2	1.004,6	
80	Bùi Đức Diện	1.500	2.087,5	
81	Lê Đình Thạch	2.100	574,7	
82	Phạm Hùng	500	2.114,4	
83	Lê Đình Sâm	581,1	1.635,0	
84	Nguyễn Phi Trị	500	2.066,8	
85	Lê Thị Nhâm	2.713	472,8	
86	Phạm Văn Chung	5.100	1.163,1	
87	Nguyễn Đăng Hải	4.996,5	5.548,0	
88	Nguyễn Thành Trung	1.350	650	
89	Bùi Đức Hồng	1.000	3.402,5	
90	Trần Vĩnh Thuyên		1.618,1	
91	Nguyễn Văn Tường	1.000	932,6	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
92	Hà Chức	6.100	1.968,1	
93	Trần Vĩnh Hải	5.450	748,3	
94	Võ Tá Bính	1.000	1.774,2	
95	Dương Thị Hồng			
96	Nguyễn Doãn Tuấn	1.170	3.840,4	
97	Phạm Tài	1.200	1.336,9	
98	Trương Quốc Phú	500	1.689,9	
99	Trương Văn Dân	1.500	2.631,2	
100	Đậu Đình Tứ	1.000	2.789,6	
101	Trương Công Sinh	500	778,1	
102	Lê Thị Tuệ	1.146,8		
103	Trương Thị Lan	383,9	2.025,4	
104	Nguyễn Văn Hạ	2.050	187,0	
105	Trương Nhân	2.466,1	1.101,0	
106	Hà Ty	2.400	2.260	
107	Nguyễn Đình Nghĩa			
108	Nguyễn Phi Đạt	1.816,3		
109	Nguyễn Đình Sơn	3.776,9	1.216,1	
110	Nguyễn Thị Phượng		501,7	
111	Nguyễn Minh Lương			
112	Nguyễn Văn Nghị	540	542	
TỔNG		**168.986,5**	**171.449,9**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ HÀ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Văn Toản	500		
2	Hoàng Đình Sỹ	500		
3	Nguyễn Thị Liên	1.000		
4	Dương Thị Đào	500	500	
5	Nguyễn Thị Lý	500		
6	Dương Thị Dung	500	500	
7	Nguyễn Đình Thuấn	1.000		
8	Lê Văn Triều		500	
9	Phan Khắc Truyền		500	
10	Nguyễn Văn Cường	500		
11	Hoàng Trọng Hùng		500	
12	Nguyễn Công Hoan	500	500	
13	Nguyễn Thị Lan	850		
14	Đặng Văn Kiểm	1.500		
15	Trần Thị Tỵ		500	
16	Hoàng Văn Anh	500		
17	Nguyễn Công Thảo		500	
18	Nguyễn Thị Luyến	500		
19	Trần Văn Loán		500	
20	Hoàng Văn Cát	500		
21	Bùi Đức Kỳ	750		
22	Nguyễn Thị Hường	500		
23	Nguyễn Thị Oanh	500		
24	Dương Hữu Quang		500	
25	Lê Đình Tịnh		350	
26	Phan Khắc Văn		1.000	
27	Biện Xuân Thắng	500		
28	Phan Văn Dũng	500		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
29	Nguyễn Văn Thuận	1.000		
30	Nguyễn Văn Hoạt		500	
31	Nguyễn Văn Luyện	500		
32	Dương Văn Dũng		500	
33	Dương Văn Bắc	500		
34	Lê Xuân Hồ	500		
35	Nguyễn Tiến Dũng	1.000		
36	Ngô Thị Hoài	1.000		
37	Dương Văn Luật	500		
38	Nguyễn Văn Thuyết		500	
39	Lê Quang Hòa		1.000	
40	Lê Đình Thắng		500	
41	Dương Văn Chiến		500	
42	Nguyễn Văn Tuấn	500		
43	Dương Văn Hậu	650		
44	Nguyễn Thị Hòa		750	
45	Nguyễn Song Hào		500	
46	Phan Thị Hằng		500	
47	Hoàng Lâm Thơ		500	
48	Trần Văn Lâm		500	
49	Đặng Văn Tin		500	
50	Bùi Đức Lịch	500		
51	Dương Hữu Sơn		500	
52	Dương Văn Lệ		500	
53	Lê Thị Hoa		500	
54	Nguyễn Thị Loan	1.000		
55	Lê Thị Tiến		650	
56	Nguyễn Văn Cương	500		
TỔNG		**20.250**	**15.250**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ YÊN

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Trần Văn Hùng	527	483	
2	Nguyễn Kỳ Hải	1.913	864	
3	Trần Thị Tâm	500	244	
4	Dương Văn Thanh	1.020	491	
5	Phạm Quang Hòa	1.450	661	
6	Trần Thị Phúc	650	327	
7	Bùi Đức Quế	1.400	711	
8	Bùi Đức Hùng	300	477	
9	Bùi Đức Bính	1.270	541	
10	Trần Thị Sử	980	464	
11	Bùi Đức Nghĩa	1.300	611	
12	Biện Đồng	1.200	577	
13	Phan Văn Bính	1.280	587	
14	Hồ Thị Thúy	720	357	
15	Biện Minh Tuấn	200	311	
16	Đặng Văn Tuyên	200	311	
17	Phan Văn Hiền	880	451	
18	Phan Thị Thái	600	411	
19	Dương Thị Ninh	500	311	
20	Bùi Đức Minh	1.200	611	
21	Bùi Đức Luật	1.700	1.144	
22	Bùi Đức Lý	1.500	737	
23	Lê Thị Han	300	244	
24	Bùi Đức Giáp	1.600	844	
25	Lê Thị Hoan	700	344	
26	Phạm Thị Lương	400	77	
27	Bùi Đức Hùng (Thái)	1.700	877	
28	Lê Thị Ngụ	1.500	777	
29	Nguyễn Công Bình	400	444	
30	Dương Hữu Nhâm	1.600	844	
31	Dương Hữu Mỹ	1.700	777	
32	Dương Hữu Thuật	300	244	
33	Dương Hữu Long	300	266	
34	Dương Văn Xuân	1.800	844	
35	Bùi Đức Thịnh	300	211	
36	Bùi Đức Sơn	1.160	551	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
37	Nguyễn Văn Tân	1.700	1.211	
38	Lê Đình Khê	1.800	911	
39	Nguyễn Văn Lưu	1.400	711	
40	Hà Văn Tuấn	1.400	711	
41	Bùi Đức Tịnh	860	417	
42	Dương Trí Toàn	930	447	
43	Bùi Thị Cúc	400	344	
44	Nguyễn Thị Hường	1.700	777	
45	Đăng Kiểm	1.700	777	
46	Bùi Đức Tân	500	311	
47	Trần Văn Bình	1.200	577	
48	Bùi Đức Vi	1.400	644	
49	Đặng Văn Lưu (Đặng Toàn)	300	200	
50	Đặng Văn Huệ	1.700	844	
51	Phan Thị Điểu	400	277	
52	Phan Văn Thuật	1.200	677	
53	Đặng Văn Lưu	1.200	1.044	
54	Nguyễn Văn Phúc	1.500	777	
55	Đặng Văn Thập	1.500	711	
56	Đặng Văn Bình	1.700	811	
57	Nguyễn Văn Việt	1.400	711	
58	Đặng Văn Khoan	1.700	844	
59	Nguyễn Công Tý	1.400	677	
60	Đặng Việt Thái	1.400	1.077	
61	Dương Hữu Quyền	1.400	644	
62	Dương Hữu Toàn	1.000	544	
63	Dương Hữu Anh (Trần Thị Giải)	400	244	
64	Dương Hữu Thái	1.200	544	
65	Dương Hữu Hài	1.500	744	
66	Dương Hữu Anh	1.400	611	
67	Nguyễn Văn Hoàng	900	444	
68	Nguyễn Công Xuân	1.200	511	
69	Nguyễn Thị Truyền	1.000	511	
70	Dương Trí Tỵ	1.000	511	
71	Nguyễn Công Thể	2.077	934	
72	Dương Hữu Toán	1.000	511	
73	Dương Trí Thành	1.400	611	
74	Vũ Thị Giáo (Thành)	300	266	
75	Dương Hữu Chính	1.800	911	
76	Trần Văn Tiu	1.400	700	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
77	Nguyễn Khắc Thông	2.100	1.244	
78	Nguyễn Khắc Phượng	300	211	
79	Dương Thị Từ	500	244	
80	Dương Thị Tin	600	377	
81	Biện Thị Lưu	800	411	
82	Dương Văn Tiến	1.400	677	
83	Dương Xuân Hương	300	211	
84	Phan Văn Tài	1.300	677	
85	Phan Văn An	700	344	
86	Phan Thị Huệ (Thắng)	1.000	577	
87	Dương Văn Tài	1.400	644	
88	Dương Văn Quang	700	377	
89	Dương Văn Khoản	1.200	577	
90	Dương Văn Hoạt	1.200	577	
91	Dương Văn Linh	1.200	577	
92	Dương Văn Đảo	1.200	514	
93	Trần Hậu Xân	1.600	844	
94	Trần Hậu Lộc	1.600	744	
95	Dương Văn Thành	1.400	644	
96	Dương Thị Chính	300	211	
97	Dương Văn Học	700	411	
98	Dương Văn Quyết	300	211	
99	Dương Văn Hồng	400	244	
100	Nguyễn Thị Phượng	1.000	611	
101	(Phan VănMạnh)	1.200	644	
102	Bùi Thị Vỹ (Phan Văn Thái)	1.300	677	
103	Hồ Thị Mận (Phan Văn Hùng)	300	611	
104	Nguyễn Hữu Hồ	900	477	
105	Lê Thị Thức	500	511	
106	Phan Văn Quế	1.300	610	
107	Nguyễn Thị Luận (Quế)	900	444	
108	Dương Hữu Tỳ	1.800	877	
109	Lê Thị Tam	600	577	
110	Dương Thị Phượng	900	544	
111	Trần Thị Dung	1.300	611	
112	Nguyễn Xuân Vinh	1.800	877	
113	Đậu Văn Bình	1.200	577	
114	Đặng Văn Ty	1.500	710	
115	Đặng Thị Tửu	1.400	611	
116	Lưu Thị Phương	1.800	877	
117	Phan Thị Hồng	500	344	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
118	Phan Xuân Hoạt	800	477	
119	Phan Xuân Linh	1.400	677	
120	Lê Đình Sơn	400	100	
121	Dương Văn Thức	1.200	544	
122	Trần Huy Hùng	900	444	
123	Dương Thị Thanh	900	744	
124	Lê Thị Lan	500	344	
125	Đoàn Thị Hồng	1.400	777	
126	Nguyễn Văn Toàn	500	711	
127	Nguyễn Thị Hoành	500	311	
128	Phạm Thị Thắng	800	477	
129	Lê Thị Châu	1.600	777	
130	Biện Xuân Hòa	1.000	511	
131	Biện Xuân Hợi	800	411	
132	Biện Thừa (Đồng)	600	311	
133	Biện Văn Quý	300	211	
134	Dương Thị Thuận	900	644	
135	Ngô Đình Khôi	1.100	611	
136	Võ Tá Tân	800	411	
137	Võ Tá Nam	300	177	
138	Võ Tá Hóa	1.900	2.177	
139	Dương Thị Hòa	1.500	711	
140	Nguyễn Thị Thái	1.000	511	
141	Dương Nhân	700	444	
142	Dương Trí Duẩn	900	477	
143	Lê Thị Bích	700	411	
144	Lê Đình Lâm	1.000	511	
145	Đậu Văn Tuyên	1.500	511	
146	Đậu Văn Huấn	900	477	
147	Nguyễn Kỳ Đường	1.000	611	
148	Nguyễn Kỳ Trần	300	211	
149	Nguyễn Kỳ Thân	1.500	711	
150	Lê Thị Dung	500	377	
151	Trần Văn Điền	1.500	711	
152	Dương Thị Hồng	1.000	544	
153	Dương Trí Trọng	1.200	600	
154	Nguyễn Văn Hòa	700	311	
155	Lê Hữu Lợi	1.400	711	
156	Dương Hữu Canh	500	211	
157	Lê Hữu Tam (Thanh)	900	444	
158	Dương Chắt	800	444	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
159	Lê Hữu Lương	1.700	811	
160	Lê Hữu Ánh	1.600	744	
161	Lê Hữu Tam (huệ)	1.200	544	
162	Lê Thị Nữ	1.000	544	
163	Dương Hữu Thuần	1.500	1.011	
164	Trần Văn Long	1.500	744	
165	Lê Hữu Bảo	1.400	744	
166	Lê Hữu Anh (Lệ)	600	411	
167	Lê Hữu Thanh	2.100	1.011	
168	Nguyễn Văn Sỹ	400	211	
169	Lê Văn Đề	300	277	
170	Phan Thị Châu	1.100	577	
171	Lưu Như Toản	1.300	644	
172	Lê Khánh	2.000	1.044	
173	Lưu Như Trị	1.900	944	
174	Hà Thị Liên	1.100	577	
175	Dương Ngọc Thưởng	800	377	
176	Phan Văn Mỹ	800	377	
177	Phan Văn Niên	1.000	511	
178	Lê Thị Lan	900	411	
179	Hoàng Kim Thiện	2.200	1.011	
180	Lưu Như Phong	1.700	844	
181	Trương Huy Hợi	1.100	577	
182	Nguyễn Văn Tùng	1.400	644	
183	Phan Văn Dũng	1.000	611	
184	Phạm Công Thức	1.700	833	
185	Lưu Như Duẩn	1.300	644	
186	Hoàng Kim Niên	1.400	666	
187	Phạm Thị Sương	1.000	344	
188	Phạm Công Hoàng	300	411	
189	Dương Thị Phương	700	344	
190	Trần Hậu Thuận	1.100	611	
191	Dương Thị Ngọ	1.284	593	
192	Trần Thị Tam	1.308	603	
193	Lê Thị Tứ	428	183	
194	Phan Văn Hòa	1.238	573	
195	Dương Thị Hậu	328	183	
196	Lê Hữu Tiến	1.400	644	
197	Dương Thị Hường	700	344	
198	Phan Thị Thanh (Hùng)	1.634	743	
199	Lê Hữu Minh (Xuân)	1.190	554	
200	Lê Đức Vỵ	888	423	
201	Lê Thị Trần	1.610	734	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
202	Đậu Văn Lĩnh	730	314	
203	Dương Thị Minh	700	344	
204	Lê Hữu Ba	1.050	494	
205	Dương Văn Hà	2.053	924	
206	Lê Hữu Tịnh	1.168	543	
207	Lê Hữu Sơn (Luận)	1.003	473	
208	Lê Hưởng	1.774	803	
209	Phan Văn Miện	1.820	824	
210	Nguyễn Văn Thọ	1.518	693	
211	Trần Hậu Hòa	1.424	653	
212	Lê Thị Luyến	1.190	554	
213	Dương Văn Quả	1.144	533	
214	Nguyễn Thị Nhung	607	304	
215	Thái Văn Bảo	1.424	653	
216	Biện Văn Bình	1.330	614	
217	Lê Thị Hòa	1.190	554	
218	Lê Hữu Hợi (Khuyên)	1.774	803	
219	Lưu Thị Bảy	1.564	713	
220	Trần Ngọc Khánh	770	374	
221	Lê Thị Ngụ	1.377	634	
222	Lê Hữu Hùng (Hải)	958	453	
223	Biện Tiến Đàm	1.400	644	
224	Lê Phương	1.330	614	
225	Lê Đình Cường	654	323	
226	Lê Hữu Hòa	1.868	843	
227	Lê Hoàn	1.518	693	
228	Lê Đức Mỹ	1.120	524	
229	Trần Thị Hoa	1.470	674	
230	Lê Thị Lan (Quý)	1.074	503	
231	Lê Hữu Tam (Minh)	1.260	584	
232	Trần Văn Quýnh	1.844	833	
233	Lê Văn Minh	1.750	794	
234	Trần Văn Cảnh	1.797	814	
235	Lê Hữu Cảnh (Luận)	723	354	
236	Lưu Thị Tâm	1.308	603	
237	Phan Văn Luyện	1.750	794	
238	Lê Anh (Hà)	1.517	694	
239	Lê Hữu Sơn (Hoan)	2.147	964	
240	Lê Hữu Bình	1.308	603	
241	Lê Hữu Thanh (Hiền)	1.493	684	
242	Trần Văn Đức	2.030	914	
243	Phan Văn Giáo	1.400	644	
244	Trần Thị Dụ	374	203	
245	Nguyễn Thị Hồng	328	183	
246	Đinh Thị Luận (Lê Thành Hậu)	428	183	
247	Nguyễn Trọng Cường	1.214	563	
248	Nguyễn Trọng Hùng	2.218	993	
249	Phan Văn Trí	1.544	533	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
250	Phan Văn Thực	1.214	563	
251	Lưu Như Hải Tịnh (Trần Thị Lượng)	328	183	
252	Nguyễn Văn Dũng	404	173	
253	Lưu Thị Huệ (Đặng Văn Hộ)	498	213	
254	Lưu Thị Xoan	450	194	
255	Hồ Thị Thừa	374	203	
256	Đặng Thị Kỷ (Lưu Như Học)	468	243	
257	Nguyễn Văn Tiếp	420	224	
258	Nguyễn Trọng Truyền (Hải)	818	393	
259	Lưu Như Hùng	1.028	483	
260	Lưu Như Thanh	1.550	494	
261	Lê Thận	498	214	
262	Đậu Tiêu	1.762	798	
263	Trần Văn Việt	1.028	483	
264	Lê Hữu Hướng	1.028	483	
265	Lê Thị Lượng	608	303	
266	Lưu Như Chương	1.190	554	
267	Lưu Như Tuấn	887	424	
268	Bùi Thị Nhương	957	454	
269	Lê Thị Bình	980	464	
270	Nguyễn Văn Soa	1.727	784	
271	Lưu Như Kiều	1.400	644	
272	Võ Thị Tình	1.400	644	
273	Nguyễn Trọng Thanh	1.120	524	
274	Lưu Như Luân	840	404	
275	Lưu Như An	2.170	974	
276	Phạm Công Quyền	1.424	653	
277	Nguyễn Văn Khoa	1.120	524	
278	Lê Hữu Tân	560	284	
279	Nguyễn Thị Tài	1.424	653	
280	Nguyễn Thị Vân	1.354	623	
281	Nguyễn Văn Toa	1.564	713	
282	Nguyễn Thị Luận	1.028	483	
283	Nguyễn Văn Ngọ	1.634	743	
284	Lê Đình Sơn (Phạm Thị Niên)	404	173	
285	Lưu Như Dương	444	233	
286	Phạm Công Tài	1.354	623	
287	Lưu Như Cẩm	988	466	
288	Lê Thị Lan (Phan Văn Trọng)	498	213	
289	Nguyễn Thị Tháp (Hương)	1.214	563	
290	Nguyễn Văn Hoàng	560	284	
291	Nguyễn Thị Liệu	794	383	
292	Lê Văn Công	1.354	623	
293	Lưu Như Bình	910	434	
294	Nguyễn Thị Oanh	630	614	
295	Lưu Như Hải	1.120	524	
296	Nguyễn Văn Lộc	1.004	473	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
297	Nguyễn Văn Trung	1.308	603	
298	Nguyễn Thị Ánh	544	233	
299	Lưu Như Hùng (Văn)	1.214	563	
300	Nguyễn Khánh Lĩnh	1.073	504	
301	Phạm Thị Hược	514	263	
302	Nguyễn Thị Hưng	261	112	
303	Lê Hữu Sơn Luận (Nguyễn Thị Đàm)	328	183	
304	Lưu Như Vượng	1.144	533	
305	Lưu Như Thạnh	818	393	
306	Phạm Văn Đồng	1.028	483	
307	Lưu Thị Hải	296	126	
308	Lưu Thị Ngợi	444	233	
309	Lưu Như Duẫn (Dương Trí Trọng)	1.150	450	
310	Dương Hữu Thành (Canh)	1.244	533	
311	Đậu Thị Vọ	543	234	
312	Nguyễn Thị Song (Dương Thị Ngọ)	596	126	
313	Phạm Thị Huệ	543	234	
TỔNG CỘNG		**339.037**	**171.524**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ PHÚ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Đặng Văn Hùng		1.310	
2	Dương Văn Tuyến		2.136	
3	Dương Thị Tuyết		1.752	
4	Lê Hữu Tý		2.449	
5	Dương Hữu Thi		1.500	
6	Dương Hữu Công		1.500	
7	Dương Hữu Cử		2.276	
8	Lê Đình Dũng		3.880	
9	Lê Thanh Bình		2.466	
10	Dương Hữu Hiệp		2.096	
11	Phạm Văn Ngọ		1.535	
12	Hồ Hữu Được		1.999	
13	Bùi Đức La		1.449	
14	Dương Đức		2.531	
15	Dương Hữu Đại		511	
16	Dương Thị Lý		914	
17	Đặng Cúc		1.507	
18	Trần Đình Ất		1.198	
19	Bùi Đức Hà		2.677	
20	Lê Thị Mỹ		2.003	
21	Nguyễn Liên		2.458	
22	Lê Hữu Sửu		1.539	
23	Phan Thị Thanh		1.211	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
24	Đặng Thị Hoa		383	
25	Lê Xuân Hoài		610	
26	Lê Xuân Phương		868	
27	Nguyễn Thị Chương		1.062	
28	Lê Đình Dũng		1.485	
29	Lê Hữu Quang		2.680	
30	Trần Thị Phúc		780	
31	Lê Đình Danh		1.269	
32	Dương Công Hà		1.516	
33	Phan Thị Mai		1.639	
34	Trần Công Lục		980	
35	Lê Hữu Thìn		1.156	
36	Nguyễn Văn Quỳnh		1.699	
37	Nguyễn Xô		1.784	
38	Hà Văn Lâm		1.823	
39	Nguyễn Văn Cường		1.678	
40	Lê Thị Luyến		1.266	
41	Phan Thị Ninh		2.293	
42	Bùi Đức Hoài		1.003	
43	Trần Hữu Hải		1.684	
44	Đặng Viết Cửu		1.873	
45	Lê Thị Hòa		590	
46	Đậu Thị Quế		882	
47	Lê Thị Tam		352	
48	Lê Hữu Phong		2.240	
49	Đặng Văn Toán		1.823	
50	Phan Văn Tiếu		907	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
51	Đặng Văn Cẩm		1.871	
52	Bùi Đức Trường		2.679	
53	Đặng Văn Mỹ		1.980	
54	Nguyễn Văn Cảnh		1.040,7	
55	Lê Thị Vịnh		1.292,8	
56	Dương Văn Kỷ		1.109	
57	Nguyễn Văn Thanh		1.749,1	
58	Hoàng Thị Tuân		1.036,0	
59	Dương Văn Phương		2.654,2	
60	Dương Văn Phúc		1.028,2	
61	Phạm Văn Chiến		1.640,6	
62	Phạm Hồng Tam		727,0	
63	Phạm Văn Tiến		1.937,0	
64	Phạm Thị Tuyên		1.047	
65	Phạm Thị Luân		883	
66	Phạm Văn Tam		1.688	
67	Nguyễn Gia Kháng		1.416	
68	Trần Đình Giang		1.325	
69	Dương Văn Định		1.733	
70	Nguyễn Gia Chiến		956	
71	Nguyễn Gia Định		571	
72	Đặng Viết Định		1.622	
73	Trần Đình Nhâm		2.794	
74	Nguyễn Công Căn		2.116	
75	Dương Hữu Hùng		1.567	
76	Dương Văn Tâm		1.887	
77	Dương Thị Quế		288	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
78	Dương Văn Tuân		2.261	
79	Dương Văn Trung		1.371	
80	Dương Hữu Hợp		1.462	
81	Dương Thị Quý		1.757	
82	Đặng Thị Lịch		2.705	
83	Dương Hữu Bắc		2.025	
84	Dương Thị Hồng		1.802	
85	Dương Hữu Sức		2.062	
86	Đặng Thị Tâm		1.366	
87	Dương Hữu Lĩnh		1.892	
88	Dương Văn Phú		981	
89	Nguyễn Thị Lan		1.800	
90	Bùi Quang Hiền		959	
91	Phan Văn Bính		2.187	
92	Đặng Viết Tuân		2.352	
93	Dương Văn Thân		1.533	
94	Trần Quang Ngọ		1.900	
95	Phan Thị Hoan		1.039	
96	Lê Đình Tâm		2.372	
97	Nguyễn Xuân Hùng		2.506	
98	Nguyễn Thị Lan		1.227	
99	Nguyễn Xuân Nga		1.754	
100	Đặng Viết Tịnh		2.152	
101	Dương Hữu Thiết		3.186	
102	Đặng Văn Dũng		3.141	
103	Lê Duy Mai		1.000	
104	Nguyễn Văn Quang		2.210	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
105	Đặng Thị Tứ		1.588	
106	Bùi Đức Tịnh		1.001	
107	Dương Hữu Hòa		1.917	
108	Đặng Văn Sỹ		2.373	
109	Nguyễn Công Tý		1.868	
110	Dương Hữu Tuấn		2.288	
111	Nguyễn Công Chất		2.144	
112	Bùi Thị Bình		1.234	
113	Trần Định		1.709	
114	Trần Thị Thịnh		1.188	
115	Dương Hữu Dính		2.036	
116	Dương Hữu Khoa		1.600	
117	Bùi Đức Ngọ		2.655	
118	Nguyễn Công Vượng		1.393	
119	Bùi Đức Văn		1.223	
120	Bùi Đức Vân		1.476	
121	Dương Hữu Khuyên		2.221	
122	Trần Văn Quang		1.626	
123	Lê Thị Huệ		437	
124	Bùi Đức Quyền		1.682	
TỔNG			**204.520,6**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ ĐÔNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Dương Hữu Bính (thi)	1.070		
2	Phạm Văn Hóa	1.000		
3	Nguyễn Trường Giang	1.500		
4	Phạm Danh Hòa	1.400		
5	Lê Văn Bính	1.500		
6	Hoàng Thị Thắng	650		
7	Nguyễn Công Sơn	1.562		
8	Dương Hữu Nhật	1.208		
9	Dương Hữu Đề	2.270		
10	Lê Thị Lan	2.000	730	
11	Trần Văn Luận	5.000		
12	Ngô Văn Tâm	1.606		
13	Phan Khắc Hải	1.500		
14	Phan Khắc Hưng	2.500	500	
15	Trần Văn Công	3.400		
16	Nguyễn Văn Nam	4.500		
17	Lê Thị Tứ	900		
18	Trần Xuân Sơn	2.341		
19	Võ Tá Phú	1.500		
20	Nguyễn Đắc Đồng	1.000	3.000	
21	Nguyễn Thị Minh	1.100		
22	Nguyễn Văn Xuân	843		
23	Lê Anh Dủng	3.900		
24	Võ Tá Khuyên	1.700		
25	Võ Tá Lương	1.000		
26	Ngô Văn Xoan	1.224		
27	Phan Khắc Đào	600		
28	Phan Khắc Thanh	1.394		
29	Nguyễn Đình Phú	1.047		
30	Nguyễn Đình Thương	1.400		
31	Ngô Văn Cảnh	1.567		
32	Đặng Thị Hương	1.200		
33	Nguyễn Thị Liên	1.400		
34	Dương Trí Ái	650		
35	Phạm Văn Hướng	830		
36	Lê Tố Tân	2.000		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
37	Dương Thị Trung	500		
38	Lê Hữu Quỳnh	2.700		
39	Dương Thị Xuyên	1.600		
40	Ngô Văn Luân	1.400		
41	Phạm Văn Trọng	500	650	
42	Ngô Văn Tuấn	1.482	1.000	
43	Lê Hữu Phước	500	1.500	
44	Phạm Văn Ngộ	1.500	1.500	
45	Bùi Đức Chiến	1.300		
46	Hồ Thị Công	1.200		
47	Nguyễn Thị Ngọ	600		
48	Phan Khắc Đạt	500		
49	Lê Văn Hạnh	2.476		
50	Bùi Văn Khoan	1.900	340	
51	Bùi Đức Chiến (S)	2.000		
52	Bùi Đức Sơn	2.379		
53	Nguyễn Xuân Lam	2.598		
54	Bùi Đức Tương	3.647		
55	Bùi Thị Sinh	530		
56	Bùi Đức Thập	2.180		
57	Bùi Đức Huy	1.896		
58	Bùi Đức Thắng	2.196		
59	Trần Thị Quyền	3.000		
60	Phạm Thị Sử	1.350		
61	Bùi Đức Song	2.130	500	
62	Bùi Đức Dủng	2.114		
63	Phạm Văn Sơn	3.427	500	
64	Nguyễn Thị Năm	1.666		
65	Đặng Văn Hóa	1.700		
66	Phan Khắc Luận	3.116		
67	Dương Thị Hương	686		
68	Dương Hữu Châu	2.455	500	
69	Đặng Ngọc Lan	3.000	2.442	
70	Dương Hữu Bính (Luyến)	2.333		
71	Bùi Đức Báu	4.000		
72	Bùi Đức Han	2.500		
73	Bùi Đức Thục	4.500		
74	Bùi Đức Mạo	1.000	500	
75	Đặng Ngọc Quế	4.523		
76	Phan Thanh Hùng	3.333		
77	Bùi Đức Tiến	2.579		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
78	Bùi Đức Toản	2.599		
79	Phạm Văn Giảng	1.898		
80	Bùi Đức Hản	6.000	1.500	
81	Nguyễn Văn Sơn	3.000	361	
82	Lê Văn Hà	1.000		
83	Trương Thị Lự	1.000		
84	Phan Khắc Lệ	1.000		
85	Phan Khắc Tuyến	3.352		
86	Nguyễn Xuân Hồng	2.372		
87	Hà Văn Phương	3.700		
88	Phạm Văn Huệ	2.100		
89	Nguyễn Thị Liên	2.000		
90	Bùi Đức Hải	3.365		
91	Bùi Đức Lý	2.276		
92	Bùi Đức Vịnh	2.879		
93	Bùi Đức Sức	3.000		
94	Bùi Đức Thuận		1.000	
95	Bùi Thị Thuần	3.400		
96	Bùi Đức Bắc	1.500		
97	Bùi Đức Lượng	3.139		
98	Bùi Đức Ất	900		
99	Bùi Đức Hiến	1.416		
100	Ngô Văn Thanh	3.437		
101	Nguyễn Công Giáp	2.782		
102	Bùi Đức Hóa	3.167		
103	Bùi Nhật Thành	2.225		
104	Bùi Đức Quân	1.679	1.500	
105	Nguyễn Tường Sơn	912	1.500	
106	Lê Văn Nam	2.134		
107	Bùi Đức Tuyên	1.825	1.057	
108	Lê Văn Hải	1.500		
TỔNG		**216.815**	**20.580**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN QUỐC TUẤN

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Phan Thị Loan	1400	0	
2	Lê Thị Hậu	750	0	
3	Phạm Văn Tỷ	600	1500	
4	Nguyễn Tiến Mạnh	1600	0	
5	Dương Trí Văn	1500	0	
6	Phạm Vọ	1060	0	
7	Dương Trí Long	1200	0	
8	Phan Khắc Thắng	3000	0	
9	Phạm Thanh	1500	0	
10	Nguyễn Thị Hà	1500	0	
11	Phạm Văn Hữu	555	600	
12	Lê Thị Luyện	565	0	
13	Trần Văn Hải	600	0	
14	Dương Trí Ân	2100	0	
15	Dương Trí Dũng	1550	0	
16	Nguyễn Chiến	3050	0	
17	Phạm Luân	800	500	
18	Phạm Danh	500	0	
19	Nguyễn Trọng Lý	1850	0	
20	Phạm Văn Tỵ	1900	0	
21	Nguyễn Văn Tịnh	2000	0	
22	Phạm Văn	1850	0	
23	Nguyễn Đạt	2600	0	
24	Dương Thị Minh	1350	0	
25	Nnguyễn Văn Dũng (Hà)	2500	0	
26	Nnguyễn Văn Dũng (Hương)	1500	0	
27	Đào Xuân Mạnh	2000	0	
28	Nguyễn Trọng Hùng	1000	0	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
29	Trần Thị Mỹ	1250	750	
30	Võ Tá Quyến	750	750	
31	Nguyễn Văn Tý	1750	500	
32	Nguyễn Trọng Trường	1100	0	
33	Nguyễn Thị Nhân	850	0	
34	Phan Khắc Nhật	550	0	
35	Võ Tá Thiều	1050	0	
36	Nguyễn Văn Vượng	2100	0	
37	Nguyễn Văn Thắng	2400	0	
38	Nguyễn Văn Xuân	1000	500	
39	Ngô Thị Thái	1350	0	
40	Phạm Văn Thuận	1565	0	
41	Phan Khắc Đức	1250	500	
42	Nguyễn Văn Thọ	1450	0	
43	Lê Hữu Hà	2850	0	
44	Nguyễn Tống Trường	2250	0	
45	Nguyễn Văn	650	550	
46	Nguyễn Khoa	2000	0	
47	Nguyễn Xuân Vịnh	1000	0	
48	Phan Thị Nghị	650	0	
49	Trần Huệ	1150	1900	
50	Ngô Thị Lan	2000	0	
51	Nguyễn Văn Trình	2750	0	
52	Nguyễn Văn Thanh	1150	0	
53	Nguyễn Văn Truyền	1000	0	
54	Đinh Văn Minh	2560	0	
55	Nguyễn Văn Trần	565	0	
56	Phan Khắc Cảnh	1500	0	
57	Nguyễn Văn Ngọ	550	2500	
58	Nguyễn Văn Hòa	2555	0	
59	Nguyễn Xuân Viết	1750	0	
60	Dương Trí Thìn	2060	0	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
61	Nguyễn Văn Minh	1000	550	
62	Phan Quốc Vỹ	1065	0	
63	Phạm Kỷ	1050	565	
64	Nguyễn Trọng Tình	1600	0	
65	Võ Tá Long	1300	0	
66	Nguyễn Thị Vân	1350	0	
67	Đào Xuân Thìn	500	0	
68	Lê Thị Tý	0	1500	
69	Nguyễn Đình Nghi	0	1000	
70	Lương Thị Ngọc	0	2000	
TỔNG CỘNG		**97.650**	**16.165**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ SƠN

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Phạm Hữu Canh	2000	2.231	
2	Phan Đình Diệu	1.330	1.000	
3	Lê Đình Bình (Tình)	500	500	
4	Nguyễn Thị Cúc		665	
5	Dương Trí Xuân		1.330	
6	Nguyễn Huy Phong		1.500	
7	Dương Thị Hiền (Cảnh)		830	
8	Lê Đình Lý	500	1.165	
9	Trần Như Hòa		1.000	
10	Nguyễn Hữu Dũng		1.429	
11	Dương Hữu Bính		731	
12	Lê Đình Lục		1.066	
13	Nguyễn Thị Dần		1.000	
14	Dương Trí Minh		1.231	
15	Nguyễn Văn Vọ		1.330	
16	Lê Thị Luyến	1.000	1.600	
17	Nguyễn Xuân Thanh		1.500	
18	Dương Hữu Văn		1.000	
19	Dương Thị Loan	500	1.000	
20	Hoàng Kim Dũng		665	
21	Trần Như Minh		600	
22	Nguyễn Huy Triều		1.066	
23	Trần Như Hồng		1.330	
24	Dương Hữu Giáp		830	
25	Dương Thị Hiền (Toàn)		500	
26	Lê Đình Vân	396	500	
27	Phan Thị Oanh	566		
28	Nguyễn Cao Quang		1.000	
29	Lê Đăng Kiên		566	
30	Cao Thị Thanh		1.000	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
31	Dương Hữu Tính	500	698	
32	Nguyễn Hữu Dũng		1.500	
33	Phạm Văn Tý	462	500	
34	Hoàng Trọng Thuần	1.000	2.000	
35	Lê Thị Hồng		500	
36	Nguyễn Hữu Kỳ		1.000	
37	Lê Đình Hà	500	1.500	
38	Lê Đình Lĩnh	500	830	
39	Nguyễn Thị Tuyết (Vinh)	500	1.066	
40	Phạm Hữu Thuần	500	1.000	
41	Trần Thị Lục		500	
42	Lê Đình Tình		731	
43	Lê Đình Luận		1.000	
44	Trần Như Hà		1.000	
45	Lê Đình Hùng	1.731	1.500	
46	Bùi Văn Niên		1.500	
47	Bùi Đức Bộ	665	1.000	
48	Bùi Văn Thủy		1.000	
49	Trần Như Lưu	797	1.000	
50	Nguyễn Huy Lý		2.000	
51	Nguyễn Xuân Phượng		1.330	
52	Trần Như Phong	665	1.500	
53	Trần Như Ty		731	
54	Trần Như Long	896	1.000	
55	Nuyễn Văn Quý	665	1.830	
56	Nguyễn Hữu Dần		830	
57	Lê Hoàng Thanh	1.264		
58	Dương Thị Dinh		600	
59	Lê Văn Khương	500	500	
60	Nguyễn Thị Gái		1.231	
61	Dương Hữu Giáp	330	665	
62	Trần Như La		600	
63	Dương Hữu Long	330		
64	Lê Đình Tập		1.100	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
65	Lê Đình Bính		1.000	
66	Nguyễn Hữu Toản		1.000	
67	Nguyễn Hữu Thành		500	
68	Phan Anh Tuấn		500	
69	Phạm Hữu Vinh	1000		
70	Trần Như Lợi		797	
71	Phạm Công Hùng		665	
72	Phạm Công Hiếu	600		
73	Nguyễn Hữu Mỹ		830	
74	Nguyễn Xuân Thọ		929	
75	Trần Như Kỷ	500	1000	
76	Lê Đình Bình (thuận)		1200	
TỔNG CỘNG		**20.697**	**72.328**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ TRUNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Dương Hữu Thắng	1.500	500	
2	Lê Đắc Yên	1.000	1.500	
3	Kiều Thanh Bình	2.181	1.319	
4	Phạm Văn Nghĩa	2.592	408	
5	Lê Thị Hương	1.206	753	
6	Nguyễn Cao Bảy	731	1.000	
7	Lê Thị Yến	642		
8	Nguyễn Kiên	186	1.184	
9	Phạm Khánh	750		
10	Nguyễn Thị Dung	750		
11	Vũ Thị Mai	1.000		
12	Dương Hữu Thìn	1.000	764	
13	Đào Xuân Tình	579	1.391	
14	Phạm Văn Trọng	896		
15	Nguyễn Văn Long	2.500	1.000	
16	Lê Đình Lân	6.000		
17	Phan Khắc Hồng	1.066		
18	Đào Thị Cải	1.000	764	
19	Nguyễn Thị Mai	771		
20	Võ Tá Hồng	2.000	1.500	
21	Lê Đình Ly	1.330		
22	Đào Xuân Dung	2.000		
23	Phạm Xuân Quý	1.697		
24	Dương Hữu Giáp	1.500		
25	Dương Hồng Khanh	1.330		
26	Đào Thị Sị	1.500		
27	Dương Hữu Lưu	1.500	1.163	
28	Phạm Đăng Thành	586	675	
29	Phạm Đăng Nguyệt	1.500	1.148	
30	Phan Khắc Hùng Ly	857		
31	Đào Xuân Kỳ	1.330		
32	Lê Đình Phước	566		
33	Phạm Đình Chiến	1.500	500	
34	Đào Xuân Đàn	1.000	500	
35	Bùi Thị Minh	1.500		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
36	Phan Thị Phượng	500		
37	Lê Thị Hà	2.000	1.000	
38	Phạm Thị Hòa	1.000	500	
39	Lê Thị An	2.033		
40	Bùi Đức Dũng	600	500	
41	Nguyễn Văn Yên	666		
42	Nguyễn Văn Bình	1.000	693	
43	Dương Hữu Khang	2.200	100	
44	Phạm Đình Kháng	500	500	
45	Phạm Đình Sỹ	1.000		
46	Phạm Minh Đức	1.665	500	
47	Nguyễn Thị Bình	500	297	
48	Phạm Thị Hoa		1.000	
49	Phạm Đăng Thủy	1.000		
50	Phạm Văn Công	500		
51	Phạm Đăng Huân	1.764		
52	Trần Lý	1.000		
53	Phan Thị Nhật	1.797	929	
54	Phạm Văn Sơn	1.330		
55	Nguyễn Văn Tịnh	1.000		
56	Phan Khắc Hưng	1.000		
57	Lê Thị Huyên	500	500	
58	Phạm Thị Tân	896		
59	Nguyễn Tố	764		
60	Lê Đắc Cường	875	1.343	
61	Dương Hữu Châu	1.465	998	
62	Bùi Văn Triều	1.830	524	
63	Nguyễn Văn Minh	929	896	
64	Trần Văn Cường	2.429		
65	Phạm Hữu Quang	1.231		
66	Phạm Đăng Bình	1.500		
67	Dương Hữu Thái	1.415	1.050	
68	Trần Hậu Xin	2.500	1.500	
69	Nguyễn Văn Thái	1.500	500	
70	Lê Biểu	1.066		
71	Dương Hữu Liệu	1.500	600	
72	Phan Thị Tuyết	3.000	198	
73	Trần Thị Lin	5.000	1.000	
74	Đào Xuân Lâm	870	150	
75	Đào Xuân Dũng	400	929	
76	Nguyễn Thị Văn	500	1.630	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
77	Phạm Đăng Văn	1.031	837	
78	Phạm Đăng Lộc	764		
79	Nguyễn Phi Luật A	2.300		
80	Phan Khắc Bình	1.500	400	
81	Hồ Văn Sơn	600	1.400	
82	Phạm Văn Tỷ	1.461	539	
83	Lê Văn Tý	830	600	
84	Bùi Văn Hùng	1.570	303	
85	Đậu Thị Tuyết	1.500	2.760	
86	Dương Hữu Phong	862		
87	Đăng Việt		500	
88	Dương Hữu Lâm	500	1.000	
89	Trần Văn Vị (Khương)	1.000		
90	Hồ Văn Đảo	2.400	230	
91	Phan Khắc Hùng Sỹ	1.000		
92	Hoàng Văn Sơn	500	500	
93	Phạm Đăng Hùng	600	600	
94	Trần Văn Tiếp	2.066		
95	Võ Tá Hiền		650	
96	Phạm Đăng Lam	1.198		
97	Nguyễn Văn Trần		1.000	
98	Hoàng Văn Hải	4.000		
99	Hoàng Toàn	1.000	330	
100	Hoàng Văn Thịnh	1.665	396	
101	Đào xuân anh	2.884	616	
102	Trương Thế Bình	1.268	692	
103	Lê Thị Hòa	1.066	1.731	
104	Trương Văn Hợi	1.031		
105	Nguyễn Xuân Ái	764		
106	Lê Thị Sang	2.150	1.350	
107	Nguyễn Châu	533	1.586	
108	Trương Thế Minh	500	500	
109	Nguyễn Văn Đệ	1.830		
110	Phạm Văn Tài	1.062	1.783	
111	Trần Văn Công	665	1.143	
112	Đào Xuân Từ	475	697	
113	Lê Thị Mến	1.999	1.030	
114	Dương Hữu Hoạt	1.445	377	
115	Lê Đắc Văn	816	640	
116	Đào Xuân Trung	2.342	1.464	
117	Phan Khắc Lý	882		
118	Phạm Đăng Hồng	739		
119	Bùi Thị Giáp	529		
120	Lê Đắc Trí	470		
121	Phan Đình Lân	1.054		
122	Trần Văn Minh		1.579	
123	Phạm Thị Nga		2.667	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
124	Đào Thị Tỵ		559	
125	Nguyễn Văn Dương		1.227	
126	Nguyễn Văn Ninh		664	
127	Đào Hùng		827	
128	Trần Văn Vỵ		1.208	
129	Lê Văn Hồng		700	
130	Dương Hữu Tư	715	580	
131	Dương Hữu Đồng		972	
132	Nguyễn Thị Minh	452		
133	Trần Hậu May		856	
134	Nguyễn Thị Châu		752	
135	Nguyễn Thị Trang	1.017		
136	Dương Thị Bình	520		
137	Lê Văn Vũ		697	
138	Lê Đình Đồng	596		
139	Lê Thị Thuận	420	699	
140	Trần Thị Hòa	529		
141	Đào Lư		974	
142	Bùi Văn Bình	642		
143	Trần Văn Cường		1.131	
144	Nguyễn Phi Công	774		
TỔNG CỘNG		**159.787**	**75.652**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN BỘC NGUYÊN

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Văn Hồng	4078		
2	Dương Kim Phúc	1044		
3	Hoàng Trọng Chính	2193		
4	Hoàng Thanh Lệ		1000	
5	Nguyễn Văn Tam		1634	
6	Dương Thị Huệ		971	
7	Nguyễn Văn Trí	500		
8	Hoàng Thanh Phú		1206	
9	Nguyễn Thị Năng		2654	
10	Nguyễn Văn Ngọ		1500	
11	Nguyễn Thị Thu		1182	
12	Nguyễn Viết Lý		1500	
13	Nguyễn Thị Lý		601	
14	Hoàng Trọng Tân		450	
15	Hoàng Thanh Lệ		1000	
16	Nguyễn Viết Trị	2758		
17	Dương Kim Chí	2557		
18	Hoàng Trọng Dũng		2262	
19	Nguyễn Huy Trí	2479		
20	Hoàng Trọng Nguyệt		1500	
21	Nguyễn Văn Anh	3250	2000	
22	Hoàng Trọng Thủy	1500		
23	Dương Kim Hậu	1250		
24	Nguyễn Văn Cử	1500		
25	Nguyễn Thị Thủy	150		
26	Nguyễn Viết Đoàn		1960	
27	Nguyễn Thị Thảo	1400	1000	
28	Nguyễn Văn Ngọc	750	1000	
29	Lê Văn Phượng		1080	
30	Nguyễn Sỹ Tuân		1200	
31	Nguyễn Quang Tuyến		950	
32	Hồ Văn Kỳ		1600	
33	Nguyễn Văn Tiến	1400	1000	
34	Trần Quốc Tịch	2500	300	
35	Nguyễn Thị Minh		1000	
36	Nguyễn Quang Hồng		1800	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
37	Nguyễn Thị Yến	1050	2000	
38	Trần Thị Nguyệt		1000	
39	Lê Hồng Thu	1900	400	
40	Nguyễn Quang Xuân	500		
41	Phạm Văn Nuôi	1700	1900	
42	Nguyễn Hữu Duyệt		1000	
43	Nguyễn Sỹ Tộc	1100	300	
44	Phạm Văn Ninh	500		
45	Nguyễn Thị Hương		500	
46	Nguyễn Thị Châu	500		
47	Nguyễn Văn Lực		1750	
48	Nguyễn Sỹ Biền	1000	2000	
49	Nguyễn Sỹ Bình	300	1300	
50	Nguyễn Sỹ Hùng	2000		
51	Hồ Văn Dị		1650	
52	Nguyễn Đình Lý		2000	
53	Nguyễn Hữu Quang		500	
54	Nguyễn Văn Lân	2600		
55	Nguyễn Hữu Quyền	700	1200	
56	Nguyễn Hữu Quyết		900	
57	Nguyễn Sỹ Bình		750	
58	Phạm Văn Lan		500	
59	Trần Thị Lợi	650		
60	Dương Sỹ Bính	600		
61	Dương Sỹ Kiều	1000		
62	Nguyễn Văn Chung		1386	
63	Trần Danh Thông	500		
64	Hoàng Đình Hóa		1000	
65	Dương Kim Trọng		3026	
66	Trần Văn Quân		500	
67	Bùi Mạnh Hùng		500	
68	Nguyễn Thị Hiếu	725	600	
69	Hồ Văn Thành		1600	
70	Nguyễn Sỹ Sự	1500		
71	Nguyễn Sỹ Diền		1500	
72	Trần Văn Công	800	600	
73	Nguyễn Viết Duẩn	500		
74	Nguyễn Thị Minh (hải)	1500	150	
75	Nguyễn Viết Đông	2500		
76	Nguyễn Hữu Thi	1850	1400	
77	Nguyễn Hữu Cử		1100	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
78	Nguyễn Hữu Trung	700		
79	Nguyễn Huy Chiến (L)	450		
80	Nguyễn Huy Chiến (T)	750		
81	Nguyễn Sỹ Cường	750		
82	Nguyễn Sỹ Quyền		1700	
83	Lê Xuân Chiến		1900	
84	Nguyễn Sỹ Phượng		1000	
85	Nguyễn Hữu Thọ	500		
86	Nguyễn Văn Mại	1500		
87	Bùi Thị Xuân	400		
88	Nguyễn Viết Nhuần	1260	1000	
89	Nguyễn Thị Niên	1360	1250	
90	Nguyễn Thị Thân	2500		
91	Nguyễn Văn Ký	606		
92	Nguyễn Văn Tứ	500	900	
93	Nguyễn Văn Toản	989		
94	Phạm Văn Đức	931		
95	Lê Văn Xà	1000	400	
96	Nguyễn Hữu Học	1500	1000	
97	Trần Huy Diện	2891		
98	Lê Đình Quốc	484		
99	Nguyễn Bá Thìn	1628	799	
100	Nguyễn Văn Trung	1639	500	
101	Nguyễn Thị Nghĩa		650	
102	Nguyễn Văn Tiên	1250	1200	
103	Trần Văn Quân	600	635	
104	Nguyễn Sỹ Hải	1000	500	
105	Phạm Văn Đồng	1200	1135	
106	Nguyễn Văn Tích	1034		
107	Phạm Văn Hòa	990		
108	Nguyễn Văn Quế		850	
109	Nguyễn Hữu Thức	1000	1411	
110	Nguyễn Văn Huỳnh	500	1000	
111	Trần Thị Thọ	1586		
112	Nguyễn Văn Mại	1478		
113	Phan Thanh Xuân	1250		
114	Nguyễn Sỹ Sơn	850		
115	Phan Văn Bình	1507		
116	Nguyễn Thị Hồng	2550	300	
117	Phạm Văn Hùng	490		
118	Nguyễn Văn Tiến Luật	400	287	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
119	Nguyễn Đức Hùng	780		
120	Trần Thị Thanh	1386	600	
121	Trần Huy Kiên		850	
122	Trần Đình Thu	1200		
123	Trần Huy Loan		946	
124	Nguyễn Văn Man	400	1600	
125	Lê Thị Châu	1400		
126	Trần Văn Kế	250		
127	Nguyễn Văn Hoàn		1263	
128	Trần Huy Kỷ	1500	1500	
129	Nguyễn Thị Cảnh	1204		
130	Phạm Văn Định	1500	500	
131	Nguyễn Sỹ Minh	400		
132	Nguyễn Văn Linh	1477		
133	Nguyễn Văn Trọng	1000		
134	Nguyễn Huy Lợi	850		
135	Nguyễn Huy Hợp	1200		
136	Chu Đức Trọng	500		
137	Trần Đình Trung	600		
138	Lê Tự Thiện	850		
139	Nguyễn Văn Thân	400		
140	Dương Thị Liên	725		
141	Nguyễn Quang Quán	2000		
142	Nguyễn Huy Danh		1700	
143	Lê Văn Lộng		1600	
144	Nguyễn Quang Lựu	800	1000	
145	Phạm Văn Hường (Nguyễn Thị Lục)		847	
146	Hồ Xuân Hải	1345		
147	Nguyễn Huy Thành		1770	
148	Hồ Xuân Tuấn		1400	
149	Nguyễn Quang Bình		700	
150	Võ Tá Hùng		700	
151	Hồ Thị Hương		484	
152	Phạm Văn Hải		700	
153	Nguyễn Đắc Ngọ		1134	
154	Nguyễn Huy Hùng		2400	
155	Nguyễn Thị Hương	300		
156	Nguyễn Quang Hành	1600		
157	Nguyễn Huy Hiệu (Đinh Thị	1000	2500	
158	Dương Ngọc Tý		1000	
159	Lê Văn Toàn		1200	

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
160	Hồ Xuân Linh		700	
161	Nguyễn Huy Hoàng		2500	
162	Phạm Văn Thuyết	600	1500	
163	Nguyễn Huy Hòa	975		
164	Nguyễn Huy Dũng	1000	1000	
165	Hồ Xuân Hùng	2000		
166	Phạm Thị Chương		1500	
167	Tô Minh Tịnh	600	600	
168	Phạm Văn Sơn		900	
169	Nguyễn Huy Quyết	700	1200	
170	Nguyễn Huy Sỹ	900		
171	Nguyễn Thị Xoan		800	
172	Nguyễn Huy Mậu		900	
173	Trần Văn Khánh		2500	
174	Nguyễn Quang Hưởng		2500	
175	Phạm Văn Tấn		600	
176	Nguyễn Huy Tấn		2000	
177	Phạm Văn Quỳnh	300	800	
178	Nguyễn Quang Thao		1000	
179	Nguyễn Huy Hoài		1500	
180	Nguyễn Huy Minh	300		
181	Nguyễn Huy Lực	800	1700	
182	Nguyễn Huy Xuân		2000	
183	Nguyễn Văn Hải	800		
184	Nguyễn Huy Phương		1300	
185	Lê Văn Lợi		1300	
TỔNG CỘNG		**128.949**	**138.973**	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ LÂM

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI DIỆN TÍCH LÚA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày tháng năm 2026 của UBND xã Cẩm Duệ)

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Phạm Thị Dung	2000		
2	Phạm Văn Bàn	2000		
3	Phan Thị Thiều	700		
4	Lê Đình Vị	800		
5	Lê Quang Tịnh	1000		
6	Phạm Đăng Hà	500		
7	Nguyễn Văn Hải	2500		
8	Phan Khắc Tỵ	2000		
9	Lê Đình Đàn	500		
10	Nguyễn Huy Huyền	1000		
11	Dương Thị Đào	1500		
12	Dương Thanh Xuân	1000		
13	Nguyễn Văn Quân	1000		
14	Nguyễn Văn Hoàng	1500		
15	Phạm Văn Lịch	500		
16	Nguyễn Văn Sơn	500		
17	Nguyễn Đức Tiến	400		
18	Nguyễn Đức Nguyên	2000		
19	Nguyễn Văn Lập	1300		
20	Nguyễn Văn Bé	2000		
21	Nguyễn Văn Thành	3600		
22	Trần Văn Lập	2150		
23	Phạm Đăng Ngọ	900		
24	Trần Thị Lâm	1500		
25	Phạm Thị Thiện	1500		
26	Hà Huy Tùng	1700		
27	Trần Như Minh	1000		
28	Nguyễn Đức Tình	1200		
29	Nguyễn Đức Đề	500		
30	Phạm Đăng Đức	1200		
31	Phan Khắc Thọ	1500		
32	Lê Thị Quế	1400		
33	Lê Đình Thanh	1600		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
34	Dương Văn Hùng	3500		
35	Nguyễn Anh Đức	2500		
36	Nguyễn Thị Loan	1000		
37	Lê Đắc Giang	1500		
38	Dương Văn Bính	1500		
39	Trương Huy Anh	2000		
40	Dương Hữu Huệ	700		
41	Trần Thị Tịnh	300		
42	Trần Xuân Lưu	1500		
43	Lê Quang Hùng	500		
44	Nguyễn Quang Trị	700		
45	Phạm Chiến	1000		
46	Trần Thị Xuân	1000		
47	Nguyễn Quang Hiền	1100		
48	Trần Thị Nga	1500		
49	Lê Đắc Diện	1000		
50	Nguyễn Văn Nghĩa	500		
51	Phạm Thị Mạo	600		
52	Lê Đình Lộ	1000		
53	Bùi Thị Hợi	800		
54	Nguyễn Xuân Hùng	1000		
55	Dương Hữu Trung	1500		
56	Lê Đình La	1500		
57	Đào Xuân Biếng	2000		
58	Trần Văn Tuấn	1000		
59	Đào Xuân Hương	1000		
60	Lê Thị Xuân	400		
61	Đào Xuân Lý	1500		
62	Trần Công Dũng	2000		
63	Trần Thanh Nhàn	1000		
64	Nguyễn Thị Minh	1500		
65	Lê Thị Thể	300		
66	Dương Chí Thành	600		
67	Trần Văn Đông	1500		
68	Dương Văn Phượng	1800		
69	Nguyễn Văn Mạo	1500		
70	Dương Văn Hường	2000		
71	Võ Thị Thế	900		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
72	Dương Văn Hạnh	1000		
73	Trần Thị Nhiệm	1000		
74	Trần Thị Trí	1200		
75	Nguyễn Văn Dần	1000		
76	Dương Văn Mỹ	2000		
77	Dương Văn Thân	1000		
78	Dương Văn Nam	900		
79	Bùi Văn Hà	1000		
80	Dương Văn Châu	1500		
81	Dương Văn Tân	1200		
82	Dương Thị Thường	800		
83	Lê Khắc Châu	1000		
84	Dương Thị Huệ	600		
85	Dương Văn Phụng	900		
86	Lê Thị Nhân	1000		
87	Nguyễn Văn Hải	2000		
88	Võ Văn Thắng	1500		
89	Nguyễn Thị Mai	900		
90	Trần Văn Phương	4000		
91	Trần Văn Đông	1000		
92	Bùi Văn Đỉnh	3000		
93	Nguyễn Văn Minh	1200		
94	Hà Văn Sinh	1900		
95	Trần Đình Hùng	700		
96	Trần Công Thịnh	2000		
97	Dương Thị Tiến	500		
98	Nguyễn Văn Công	2000		
99	Dương Văn Long	1000		
100	Dương Đình Luyến	1000		
101	Lê Quang Lệ	1500		
102	Dương Đình Ái	500		
103	Phan Văn Hải	1000		
104	Dương Đình Đường	1500		
105	Trần Xuân Miên	1200		
106	Trần Văn Minh	2000		
107	Võ Thị Huệ	800		
108	Bùi Thị Xuân	700		
109	Võ Tá Lam	1000		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
110	Trần Thị Liên	900		
111	Dương Hữu Chiến	1000		
112	Lê Đình Liệu	800		
113	Hoàng Trọng Loan	2500		
114	Hoàng Trọng Phúc	1000		
115	Trần Xuân Hướng	2000		
116	Nguyễn Văn Hùng	2600		
117	Dương Văn Lục	1000		
118	Nguyễn Văn Hùng	2000		
119	Trần Văn Dương	1000		
120	Lê Thị Xanh	500		
121	Lê Đình Hà	2000		
122	Trần Thị Diện	1000		
123	Phan Khắc Phượng	2000		
124	Hoàng Văn Toản	300		
125	Trương Huy Thi	1500		
126	Dương Đình Vệ	1500		
127	Dương Hữu Đào	1500		
128	Nguyễn Thị Hợi	1000		
129	Hoàng Thị Ngự	600		
130	Dương Thị Tài	500		
131	Dương Hữu Dần	1500		
132	Dương Hữu Lợi	2000		
133	Dương Hữu Trọng	300		
134	Nguyễn Văn Anh	1500		
135	Hoàng Văn Dương	900		
136	Lê Hữu Hưng	1000		
137	Lê Quang Nghĩa	1000		
138	Dương Hữu Phong	1500		
139	Lê Đắc Tập	1700		
140	Dương Văn Trình	1500		
141	Hà Văn Khanh	1300		
142	Võ Thị Liên	1400		
143	Nguyễn Mạo	2600		
144	Trần Thị Hòa	900		
145	Hoàng Văn Hà	1300		
146	Dương Hữu Tuân	2500		
147	Phạm Văn Trung	1000		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
148	Phạm Văn Quyến	1400		
149	Dương Hữu Đính	1000		
150	Dương Hữu Tuất	1000		
151	Phan Khắc Hợi	2500		
152	Đào Xuân Anh	1500		
153	Trần Xuân Thành	1700		
154	Đào Xuân Tý	1500		
155	Nguyễn Thị Hòa	1300		
156	Phạm Văn Bài	2000		
157	Phan Văn Lưu	1000		
158	Dương Văn Khương	1600		
159	Lê Thị Loan	600		
160	Phan Thị Hương	1000		
161	Võ Tiến Hà	1500		
162	Võ Thị Lý	1000		
163	Đào Thị Ty	300		
164	Nguyễn Văn Chiến	500		
165	Lê Văn Đồng	1300		
166	Phan Thị Thanh	1000		
167	Phan Khắc Hóa	700		
168	Phan Khắc Việt	800		
169	Phan Khắc Tâm	1200		
170	Phan Khắc Hải	1000		
171	Phan Khắc Dũng	900		
172	Nguyễn Huy Sơn	500		
173	Dương Thị Quý	800		
174	Lê Đắc Tường	1200		
175	Đặng Quốc Trường	600		
176	Phan Khắc Dần	500		
177	Dương Hữu Đức	1400		
178	Thiều Quang Dũng	1300		
179	Bùi Quang Cường	700		
180	Phạm Đăng Mậu	1500		
181	Phạm Đăng Huy	1400		
182	Phạm Văn Mậu	800		
183	Phạm Đăng Nhân	1500		
184	Trần Thị Nhung	1000		
185	Phạm Thị Hợi	1500		

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Diện tích lúa thiệt hại đề nghị hỗ trợ (m²)		Ghi chú
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
186	Lê Đình Luân	1500		
187	Phạm Văn Dũng	1000		
188	Nguyễn Thị Thủy	1000		
189	Nguyễn Văn Liêm	700		
190	Nguyễn Văn Sơn	2000		
191	Nguyễn Văn Hòa	2000		
192	Nguyễn Phi Bình	1000		
193	Lê Văn Hùng	600		
194	Phạm Văn Thân	400		
195	Lê Đắc Thi	600		
196	Nguyễn Thị Thuận	1600		
197	Lê Quang Châu	1200		
198	Phạm Văn Tuấn	900		
TỔNG CỘNG		**249.250**	**0**	